

Hình sự hóa một số việc dân sự, kinh tế - nguyên nhân, giải pháp khắc phục : Luận văn ThS. Luật: 60 38 50 Nguyễn Huy Tiến ; Nghd. : PGS.TS. Phạm Duy Nghĩa

1. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Trong quá trình đổi mới, nền kinh tế thị trường ở nước ta đang diễn ra với tốc độ nhanh chóng và ngày càng hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới.

Trước xu thế đó, các cơ chế bảo vệ các giao lưu dân sự, kinh tế ngày càng phát triển cùng với tiến trình cải cách tư pháp nhằm đảm bảo sự bắt nhịp với cải cách kinh tế; các trường hợp oan sai trong các vụ việc kinh tế đã và đang được giảm thiểu đáng kể; việc giải quyết các tranh chấp về dân sự, kinh tế đã có sự linh hoạt hơn. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, vẫn còn không ít sự bất cập giữa sự phát triển kinh tế với những thiết chế và yếu tố của thượng tầng kiến trúc mà cụ thể đó là nền tảng pháp luật cho sự phát triển của xã hội còn hạn chế; sự can thiệp theo chiều hướng tiêu cực của quan chức Nhà nước mà nhất là của cơ quan tư pháp; cùng với ý thức pháp luật của một bộ phận chủ thể tham gia giao lưu dân sự kinh tế còn chưa cao dẫn đến những hệ lụy nhất định trong đời sống dân sự, kinh tế ở nước ta mà chúng ta thường gọi đó là hiện tượng hình sự hóa các giao dịch dân sự, kinh tế.

Do đó, việc nghiên cứu, nhận diện hiện tượng pháp lý tiêu cực nêu trên, góp phần vào việc tìm lời giải cho việc hạn chế và giảm dần những hiện tượng này nhằm bảo vệ sự phát triển lành mạnh của các giao dịch dân sự, kinh tế, bảo vệ các chủ thể giao dịch là vấn đề cần thiết. Xuất phát từ nghề nghiệp và công việc của mình, tôi chọn đề tài **“Hình sự hóa một số việc dân sự, kinh tế- nguyên nhân, giải pháp khắc phục”** để thực hiện luận án thạc sỹ.

2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

Đã có một số luật gia, học giả viết về vấn đề hình sự hóa các giao dịch dân sự, kinh tế dưới góc độ khác nhau như từ vụ việc cụ thể hoặc trong từng lĩnh vực cụ thể như hình sự hóa các quan hệ về tín dụng, ngân hàng hoặc xem xét dưới góc độ áp dụng pháp luật hình sự để giải quyết tranh chấp kinh tế như “Áp dụng pháp luật hình sự để giải quyết các tranh chấp kinh tế ở nước ta hiện nay” luận án tiến sỹ luật học năm 2008 của Trần Minh Chất; “ Các giải pháp phòng chống hình sự hóa các giao dịch dân sự kinh tế” của PGS, TS Dương Đăng Huệ; “Một số vấn đề về hình sự hóa, phi hình sự hóa các hành vi vi phạm trên lĩnh vực kinh tế trong chính sách hình sự hiện nay” của GS,TS Hồ Trọng Ngũ; “Về hiện tượng hình sự hóa các quan hệ kinh tế, dân sự trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng” của TS Nguyễn Văn Vân; “ Một ý kiến về vấn đề hình sự hóa các vi phạm liên quan tới hoạt động ngân hàng và giải pháp khắc phục” của PGS.TS Phạm Hồng Hải...Ngoài ra, trên các tạp chí về chuyên ngành luật có nhiều bài viết liên quan đến vấn đề này. Các sản phẩm khoa học đó đã thể hiện những cách nhìn nhận, đánh giá về hiện tượng tiêu cực trong việc lạm dụng pháp luật hình sự để giải quyết các tranh chấp kinh tế trong thời gian qua ở nước ta. Đây là những tư liệu rất quý cho luận án. Tuy nhiên cần nghiên cứu xem xét hiện tượng tiêu cực này dưới góc độ từ việc xây dựng pháp luật đến việc áp dụng pháp luật. Trong xây dựng pháp luật có những kẽ hở và hạn chế nào dẫn đến vụ việc thuộc bản chất của giao dịch dân sự, kinh tế nhưng có thể dẫn đến bị “hình sự hóa”; về chính sách hình sự đối với các tội phạm về kinh tế hiện nay cũng cần nghiên cứu để có thể “mềm hóa” đối với một số loại tội nhất định như áp dụng các hình phạt bằng tiền thay thế hình phạt tù, mạnh dạn áp dụng cơ chế “mặc cả thú tội”, thẩm quyền truy tố hợp lý (cân nhắc truy tố hay miễn truy cứu trách nhiệm hình sự có điều kiện). Trong áp dụng pháp luật, có những nguyên nhân cơ bản thuộc về các chủ thể có thẩm quyền (điều tra viên, thẩm phán, kiểm sát viên); có những nguyên nhân thuộc chính từ các chủ thể tham gia giao dịch dân sự, kinh tế. Vì vậy cần nghiên cứu và đề xuất những biện pháp hoàn thiện chính sách pháp luật, thể chế; nâng cao năng lực, phẩm chất và trách nhiệm của những người

tiến hành tố tụng cũng như ý thức pháp luật của các chủ thể giao dịch và những biện pháp khác nhằm giảm thiểu hiện tượng hình sự hóa việc dân sự, kinh tế

3. MỤC ĐÍCH, NHIỆM VỤ CỦA ĐỀ TÀI

3.1. Mục đích nghiên cứu

Hiện tượng hình sự hóa việc dân sự, kinh tế đang có xu hướng gia tăng, cần xem xét những khía cạnh pháp lý cũng như bản chất của hiện tượng pháp lý tiêu cực này; sự phân định giữa việc dân sự, kinh tế, hành chính với vi phạm pháp luật hình sự; những dạng, loại việc dân sự, kinh tế thường bị hình sự hóa; tìm ra những nguyên nhân thuộc về khách quan (bao gồm chính sách, những thiết chế vận hành), những nguyên nhân thuộc về chủ quan (những chủ thể tham gia giao dịch dân sự, kinh tế; những người có thẩm quyền) và những nguyên nhân khác để từ đó có kiến nghị những giải pháp khắc phục góp phần bảo vệ và thúc đẩy các giao dịch dân sự, kinh tế

3.2. Nhiệm vụ:

- Làm rõ khái niệm và những biểu hiện của hiện tượng: Hình sự hóa các vụ việc dân sự, kinh tế.

- Đánh giá thực trạng và nguyên nhân của hiện tượng Hình sự hóa vụ việc dân sự, kinh tế trên hai phương diện xây dựng pháp luật và áp dụng pháp luật.

- Phương hướng và giải pháp khắc phục hiện tượng tiêu cực này góp phần bảo vệ các chủ thể và thúc đẩy giao lưu dân sự, kinh tế.

4. PHẠM VI NGHIÊN CỨU

- Chính sách pháp luật hình sự đối với các tội phạm về kinh tế hiện hành (bộ luật hình sự , TTHS, các văn bản hướng dẫn thi hành)

- Hiện tượng hình sự hóa các vụ việc dân sự, kinh tế trong thực tiễn áp dụng pháp luật ở nước ta trong khoảng thời gian từ năm 2000 đến nay

5. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử;

- Trên cơ sở số liệu về những vụ việc hình sự hóa đã thu thập; số liệu thống kê tội phạm cũng như các báo cáo của ngành kiểm sát nhân dân hàng năm về các trường hợp Tòa án tuyên không phạm tội; pháp luật của Việt Nam và của một số nước; các tài liệu nghiên cứu khác; sử dụng phương pháp thống kê, phân tích, so sánh, tổng hợp để đánh giá diễn biến thực trạng việc hình sự hóa nói chung và hình sự hóa các việc dân sự, kinh tế nói riêng; phân tích cơ cấu, tỷ lệ các vụ việc dân sự, kinh tế bị hình sự hóa với các loại việc khác; xu hướng vận động của nó theo từng năm; các loại tội và dạng hành vi dân sự, kinh tế thường bị hình sự hóa; nguyên nhân của nó cũng như đề xuất các giải pháp trong đó có tiếp thu những nhân tố hợp lý của kinh nghiệm cải cách tư pháp của một số nước.

6. Ý NGHĨA VÀ ĐIỂM MỚI CỦA LUẬN VĂN

- Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng đánh giá xu hướng vận động của hiện tượng này, tìm ra những nguyên nhân từ việc xây dựng pháp luật đến việc áp dụng pháp luật và đặc biệt chú trọng tới nguyên nhân từ phía những người thực thi pháp luật, đưa ra những giải pháp khắc phục hiện tượng hình sự hóa góp phần lành mạnh hóa đời sống thực tiễn pháp lý.

- Đưa ra những kiến giải về chính sách hình sự đối với việc xử lý những tội phạm về kinh tế theo hướng “mềm hóa” kể cả về luật nội dung cũng như luật hình thức; cần mạnh dạn áp dụng cơ chế miễn truy cứu trách nhiệm hình sự có điều kiện đối với người có hành vi phạm tội trong lĩnh vực kinh tế và nhấn mạnh giải pháp quan trọng nhất vẫn là nâng cao năng lực, phẩm chất của những người tiến hành tố tụng nhất là đối với điều tra viên, nơi khởi đầu của những vụ việc oan, sai

7. CẤU CẢM CỦA LUẬN VĂN

Luận văn gồm 3 chương 8 tiết và danh mục các tài liệu tham khảo

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ XU HƯỚNG HÌNH SỰ HÓA VIỆC DÂN SỰ, KINH TẾ

1.1. Các quan niệm về hình sự hóa việc dân sự, kinh tế

Người ta có thể hiểu khác nhau về khái niệm hình sự hóa. Hình sự hóa là một quy trình lập pháp thường xuyên và bình thường nhằm xác định loại hành vi nguy hiểm cho trật tự xã hội được xem là tội và cần đấu tranh nhằm trấn áp, phòng ngừa hoặc trừng trị. Theo quan niệm ấy của khoa học luật hình sự, hình sự hóa là quá trình nhận biết những hành vi nguy hại cho trật tự xã hội, từng bước xác định dấu hiệu để coi chúng là vi phạm pháp luật hình sự, được coi là tội phạm và phải chịu trách nhiệm hình sự. Hình sự hóa là những vấn đề thuộc thẩm quyền của nhà lập pháp. Do đó, vấn đề hình sự hóa quan hệ dân sự, kinh tế theo nghĩa chặt chẽ của khoa học pháp lý là việc nhà lập pháp chọn khuynh hướng đưa vào phạm trù hình sự những quan hệ pháp luật kinh tế hay dân sự nào đó hoặc quy định tăng nặng trách nhiệm hình sự, hình phạt đối với hành vi nào đó xâm hại là đến các quan hệ dân sự, kinh tế nhất định đã được luật hình sự bảo vệ.

Hình sự hóa theo quan niệm của khoa học pháp lý là một tiến trình tích cực, hợp lý, và là công cụ thực hiện chính sách hình sự. Chủ thể thực hiện việc hình sự hoá chỉ có thể là cơ quan lập pháp. Về bản chất, đây là hoạt động thay đổi để phù hợp với nội dung chính trị- xã hội của pháp luật hình sự.

Tuy nhiên, dưới góc độ nghiên cứu của luận văn này, “hình sự hóa” được xem xét là một **hiện tượng tiêu cực** đó là việc lạm dụng pháp luật hình sự để giải quyết việc dân sự, kinh tế, làm méo mó chức năng của pháp luật hình sự là bảo vệ trật tự công chứ không tham gia đòi thực thi các quyền tư.

Phản ánh thực tế đó, trong ngôn ngữ phổ thông, ngôn ngữ báo chí và rải rác trong một số tham luận ở các hội thảo, tọa đàm, thuật ngữ “hình sự hóa” được hiểu là *trường hợp những hành vi vi phạm nghĩa vụ trong các quan hệ kinh tế, dân sự được các cơ quan, cá nhân thực thi quyền điều tra, truy tố, xét xử chuyển hóa thành các hành vi phạm tội và áp dụng pháp luật hình sự để giải quyết* [2]. Trong đó, thuật ngữ “hình sự hoá”, tồn tại nhiều cách hiểu khác nhau xuất phát từ các quan điểm sau:

- *Quan điểm thứ nhất*: chấp nhận thuật ngữ “hình sự hoá” để chỉ một hiện tượng lạm dụng pháp luật hình sự để giải quyết các quan hệ kinh tế, dân sự. Đây là quan điểm chiếm đa số, thường gặp trên báo chí và rải rác trong một số tài liệu pháp lý. Hình sự hoá theo nghĩa này chỉ tập trung ở giai đoạn áp dụng luật, là một hành vi mang tính tiêu cực, thể hiện sự yếu kém, tiêu cực trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và xa hơn là sự lỏng lẻo của nhà nước trong quản lý kinh tế, là sự tùy tiện, lộng hành của một nhóm người nắm trong tay các công cụ quyền lực nhà nước.

- *Quan điểm thứ hai*: cho rằng hiện tượng vẫn thường được gọi là “hình sự hoá” theo quan điểm một cần phải được thay thế bằng thuật ngữ **“lạm dụng pháp luật hình sự trong giải quyết các quan hệ kinh tế- dân sự”**, xuất phát từ các lý do sau:

+ Thứ nhất: thuật ngữ này diễn tả được bản chất của hành vi: đây là hành vi tiêu cực, trong một số trường hợp đó là hành vi vi phạm pháp luật và cần loại trừ.

+ Thứ hai: phân định sự khác nhau giữa hiện tượng hình sự hóa trong hoạt động xây dựng pháp luật hình sự với hiện tượng tùy tiện lạm dụng pháp luật hình sự giải quyết các vi phạm nghĩa vụ hợp đồng [3]

Các quan điểm nêu trên, mỗi quan điểm cũng có những nhân tố hợp lý nhất định; việc đi tìm một thuật ngữ mới cho một hiện tượng đã tồn tại không thể hoàn toàn giải quyết những vấn đề đặt ra và bao hàm ý nghĩa thực tiễn, điều quan trọng là cần phải phân tích các qui định pháp luật hiện hành, đi tìm nguyên nhân, bản chất của hiện tượng nhằm khắc phục.

Xuất phát từ góc độ này theo chúng tôi, *hình sự hóa vụ việc dân sự, kinh tế là việc cơ quan tư pháp hình sự hoặc một số cơ quan có thẩm quyền thực hiện một số hoạt động mang tính chất tư pháp hình sự (sau đây gọi chung là cơ quan tư pháp hình sự) lạm dụng pháp luật hình sự để giải quyết những vụ việc dân sự, kinh tế mà bản chất của chúng thuần túy là các quan hệ dân sự, kinh tế*. Luận

vấn này nhận định đây là hiện tượng tiêu cực có thật trong đời sống pháp lý ở nước ta, cần được nghiên cứu và lý giải các nguyên nhân và tìm cách khắc phục. Nếu hiểu như vậy, khái niệm này có một số đặc trưng sau:

- Đó là việc áp dụng pháp luật không đúng nên không thể coi đó là hoạt động áp dụng pháp luật. Có quan điểm đồng nhất hiện tượng này với việc “áp dụng pháp luật hình sự để giải quyết các tranh chấp kinh tế” [4]. Quan điểm này có yếu tố hợp lý nhất định nhưng dễ dẫn đến việc nhầm lẫn với hoạt động áp dụng pháp luật của chủ thể có thẩm quyền theo nghĩa thông thường chứ không phải là hiện tượng có tính tiêu cực cần khắc phục.

- Đó là hành vi vi phạm pháp luật do áp dụng pháp luật hình sự để điều chỉnh các quan hệ kinh tế, dân sự. Bản chất của hiện tượng này chính là áp dụng pháp luật một cách sai trái. Việc vi phạm pháp luật này có thể là do cố ý (do có vụ lợi) hoặc cũng có thể do vô ý, do nhầm lẫn (không có yếu tố vụ lợi)

- Hình sự hóa việc dân sự, kinh tế là “hiện tượng xã hội-hành chính, dân sự tiêu cực cần được khắc phục, chứ không phải là hiện tượng chính trị – pháp lý, bởi nó không có cơ sở tư tưởng chính trị cũng như không được quy phạm hóa về mặt pháp lý, một hiện tượng cần phê phán chứ không phải là một phạm trù, một chế định pháp lý, như một vài tác giả đã giải thích. Đồng thời nghiên cứu hiện tượng này chỉ có thể để bàn đến giải pháp khắc phục, loại trừ mà không thể nói tới khía cạnh cải tiến hay hoàn thiện” [5]

Để làm rõ hơn bản chất của hiện tượng hình sự hóa việc dân sự, kinh tế cần xem xét đặc trưng cơ bản của việc dân sự, kinh tế và phân biệt với hành vi vi phạm pháp luật hình sự và những biểu hiện của việc hình sự hóa việc dân sự, kinh tế.

1.2. Đặc trưng của việc dân sự, kinh tế và phân biệt với vi phạm pháp luật hình sự.

Trong xã hội, vi phạm pháp luật diễn ra khá đa dạng. Dựa vào tính chất của các quan hệ xã hội được Nhà nước bảo vệ, vi phạm pháp luật bao gồm nhiều loại khác nhau: Vi phạm pháp luật dân sự, kinh tế; vi phạm hành chính; vi phạm kỷ luật và vi phạm pháp luật hình sự (tội phạm). Khi chủ thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, họ phải chịu trách nhiệm pháp lý. Trách nhiệm pháp lý mà Nhà nước áp dụng có nhiều loại tương ứng với các loại vi phạm pháp luật, bao gồm: Trách nhiệm hình sự; trách nhiệm hành chính; trách nhiệm dân sự và trách nhiệm kỷ luật.

Vi phạm pháp luật dân sự, kinh tế là những dạng cụ thể của vi phạm pháp luật, là hành vi trái với những quy định của pháp luật về dân sự, kinh tế do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm đến những quan hệ xã hội được luật pháp bảo vệ và là cơ sở để xác định trách nhiệm pháp lý đối với chủ thể có hành vi vi phạm.

Trong thực tế, vi phạm pháp luật dân sự, kinh tế rất đa dạng, phong phú. Tuy nhiên những vụ việc dân sự, kinh tế bị hình sự hóa được nghiên cứu trong thời gian qua cho thấy chúng phần lớn phát sinh từ quá trình thực hiện hợp đồng dân sự, kinh tế hoặc có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng dân sự, kinh tế.

Về bản chất pháp lý hành vi vi phạm hợp đồng và tội phạm đều là hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên các hành vi này có rất nhiều đặc điểm pháp lý khác nhau:

Khi phân biệt giữa tội phạm với vi phạm hợp đồng trước hết cần căn cứ vào tính chất của hành vi vi phạm. Một hành vi bị coi là tội phạm phải có tính chất nguy hiểm đáng kể cho xã hội, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm hại tới những quan hệ xã hội được luật hình bảo vệ.

Vi phạm hợp đồng cũng trái với các nghĩa vụ mà pháp luật bảo hộ, song gây nguy hiểm cho xã hội ở mức độ hạn chế; thiệt hại do hành vi vi phạm gây thiệt hại cho bên có quyền và phải chịu hậu quả pháp lý là đền bù thiệt hại. Sự khác nhau cơ bản giữa hành vi vi phạm hợp đồng với hành vi bị coi là tội phạm đó chính là tính chất nguy hiểm đáng kể cho trật tự xã hội. Tính nguy hiểm đáng kể chính là ranh giới giữa tội phạm và các hành vi vi phạm hợp đồng. Khi một bên trong quan hệ hợp đồng có hành vi vi phạm mà hành vi đó được quy định trong bộ luật hình sự thì đó phải là hành vi có tính nguy hiểm đáng kể cho xã hội và được coi là hành vi phạm tội. Còn vi phạm hợp đồng dân sự, kinh tế chưa

quy định trong Bộ luật hình sự thì tính chất, mức độ nguy hiểm của nó chưa đáng kể cho xã hội, không phải là hành vi phạm tội và chỉ bị điều chỉnh bởi pháp luật dân sự, kinh tế [6]

Để xác định một hành vi vi phạm hợp đồng có đến mức vi phạm pháp luật hình sự và phải truy cứu trách nhiệm hình sự hay chỉ đơn thuần là những vi phạm dẫn đến tranh chấp dân sự, kinh tế thuần túy hay không, cần trên cơ sở khái niệm của tội phạm như đã nêu trên cũng như những cấu thành cơ bản của một số loại tội phạm mà có sự giáp ranh nhất định giữa vấn đề hình sự hay chỉ là dân sự.

Sự phức tạp của nó trong quá trình áp dụng pháp luật lại càng mong manh hơn. Do vậy đó cũng là mảnh đất khá “màu mỡ” cho những người có thẩm quyền tư pháp lợi dụng để “hình sự hóa” hoặc “dân sự hóa” một hành vi vi phạm pháp luật nào đó vì động cơ vụ lợi.

Từ thực tiễn xem xét những vụ án bị oan, sai trong những năm qua cho thấy việc hình sự hóa một số việc dân sự, kinh tế thường biểu hiện ở một số dạng sau:

- Hành vi vi phạm nghĩa vụ (nghĩa vụ trả tiền hoặc thực hiện một công việc hay dịch vụ trong hợp đồng - chủ yếu là việc từ chối thực hiện nghĩa vụ, không có khả năng thực hiện nghĩa vụ thanh toán, không trả được nợ) trong hợp đồng dân sự, kinh tế hoặc tranh chấp giữa các thành viên góp vốn trong việc liên doanh, liên kết kinh doanh, thành lập doanh nghiệp bị quy kết về các tội chiếm đoạt tài sản mà tập trung ở hai tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Trong số 248 vụ tòa án các cấp tuyên không phạm tội trong 5 năm 2005-2009 có 42 vụ bị tuyên không phạm các tội về “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” chiếm 17% tổng số vụ việc và chiếm 43% (42/96 vụ) số vụ bị hình sự hóa trong lĩnh vực dân sự, kinh tế [7]. Như vậy, có thể nói đây là một trong những dạng chủ yếu và nhiều nhất trong các vụ việc dân sự, kinh tế bị hình sự hóa.

Điểm mấu chốt để phân biệt ranh giới giữa tội phạm hay đơn thuần chỉ vi phạm nghĩa vụ đã thỏa thuận chính là ở yếu tố có mục đích chiếm đoạt hay không có mục đích chiếm đoạt tài sản.

- Hành vi vi phạm trong quản lý kinh tế thuộc trách nhiệm về hành chính hoặc kỷ luật nhưng bị hình sự hóa về các tội xâm phạm quản lý kinh tế như tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”; tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”; tội “Lập quỹ trái phép”... hoặc tội phạm về chức vụ như tội “Tham ô tài sản” và tội “lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

Theo số liệu thống kê cho thấy trong số 248 vụ được Tòa án các cấp tuyên không phạm tội trong 5 năm 2005-2009 thì có 40 vụ ở các tội nêu trên chiếm 16,5% số vụ không phạm tội; nếu chỉ tính riêng những việc không phạm tội trong lĩnh vực dân sự kinh tế thì tỷ lệ này là 41,6% (40/96 vụ).

Biểu hiện chủ yếu của dạng này là do sự chuyển đổi của nền kinh tế từ tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường, hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước hoặc có vốn sở hữu nhà nước vẫn chịu sự điều chỉnh bởi một loạt các chính sách trong đó có chính sách hình sự. Xét về một góc độ nào đó, một số tội danh trong Bộ luật hình sự hiện hành vẫn còn là sản phẩm của cơ chế quan liêu bao cấp còn duy trì cho đến hiện nay như tội “Lập quỹ trái phép”. Thực tiễn cho thấy, những hành vi vi phạm trật tự quản lý kinh tế, những sai phạm của người quản lý nhất là giám đốc doanh nghiệp nhà nước có những sai phạm cũng có thể do những hành vi vượt rào, có thể do vi phạm hợp đồng do những điều kiện khác nhau gây thiệt hại đến tài sản. Và khi không quy về một tội cụ thể nào đó thường được ghép vào các tội mà theo ngôn ngữ thông thường đó là “cái túi” để quy vào như thiếu trách nhiệm, cố ý làm trái. Tuy nhiên, dù có bị quy vào những loại tội phạm này nhưng để phân biệt giữa hành vi vi phạm trật tự quản lý kinh tế chỉ phải chịu trách nhiệm kỷ luật, hành chính hoặc đền bù thiệt hại hay là tội phạm cũng có ranh giới nhất định, đó là mức độ gây thiệt hại về mặt tài sản hoặc hậu quả do hành vi vi phạm gây ra đã đến mức phải chịu trách nhiệm hình sự hay chưa?

Ngoài ra việc lạm dụng vấn đề dân sự trong vụ án hình sự để giải quyết những quan hệ dân sự, kinh tế cũng là một biểu hiện cần nghiên cứu. Bởi tuy nó không dẫn đến oan sai về mặt hình sự nhưng nó cũng xâm hại tới quyền lợi của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án hình sự.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Lạm dụng pháp luật hình sự để giải quyết những vụ việc bản chất là những tranh chấp dân sự, kinh tế đã và đang là mảng tối trong đời sống tư pháp ở nước ta hiện nay. Nó đang gây bức xúc lớn trong xã hội, ảnh hưởng đến các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Điều quan trọng là nó vi phạm những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, kinh tế, thương mại; hạn chế sự tự do sáng tạo, tự do kinh doanh của các thương nhân, các nhà đầu tư. Định dạng được những biểu hiện chủ yếu của hiện tượng tiêu cực này; bản chất, nguyên nhân tồn tại của chúng có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc tìm ra các biện pháp khắc phục nhằm tạo môi trường pháp lý lành mạnh, ổn định cho sự phát triển sản xuất, kinh doanh và tạo niềm tin của người dân cũng như các doanh nhân vào nền tư pháp.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG HÌNH SỰ HÓA VIỆC DÂN SỰ, KINH TẾ Ở VIỆT NAM

Hình sự hóa việc dân sự, kinh tế trong luận văn này được hiểu là quá trình áp dụng pháp luật hình sự một cách không hợp lý, thậm chí dẫn tới áp dụng oan, sai đối với người vô tội. Việc xảy ra các vụ việc oan, sai nói chung trong lĩnh vực tư pháp hình sự luôn là vấn đề nhức nhối và được Nhà nước quan tâm tìm các biện pháp khắc phục. Số các vụ việc oan sai trong lĩnh vực tư pháp hình sự thể hiện thông qua các vụ việc các cơ quan tiến hành tố tụng phải đình chỉ vụ án do hành vi không cấu thành tội phạm hoặc tuyên bố cáo không phạm tội.

Qua số liệu khảo sát về các trường hợp tòa án các cấp tuyên không phạm tội trong 5 năm trở lại đây (2005-2009) cho thấy việc hình sự hóa các vụ việc dân sự kinh tế thường chiếm khoảng 40% (96/248 vụ) trên tổng số các vụ việc bị hình sự hóa và tập trung chủ yếu ở những tỉnh, thành phố lớn. Điểm đáng chú ý là số lượng các vụ việc dân sự, kinh tế bị hình sự hóa có chiều hướng gia tăng. Nếu như năm 2005 việc hình sự hóa các vụ việc dân sự kinh tế chỉ chiếm khoảng 24% (15/62 vụ) thì tỷ lệ này đến năm 2008 là 59% (36/61 vụ). Điều này cho thấy xu hướng khi gia tăng các giao dịch dân sự, kinh tế và mở cửa hội nhập càng sâu rộng thì sự phát sinh tranh chấp giữa các chủ thể cũng có chiều hướng gia tăng và không ít các trường hợp tranh chấp thay vì giải quyết bằng các thủ tục tố tụng dân sự, kinh tế bằng cách thông qua tố tụng hình sự.

Trong số các trường hợp hình sự hóa các vụ việc dân sự kinh tế, các tranh chấp dân sự, kinh tế bị quy kết về các tội chiếm đoạt tài sản chiếm tới gần 70% (65/96 vụ) và tập trung chủ yếu là các tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” (15 vụ); tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (21 vụ) và tội “Tham ô tài sản” (23 vụ). Trong số 30% các vụ việc còn lại cũng tập trung ở các tội “Cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” (9 vụ) hoặc tội “thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” (8 vụ) [8]

Từ thực tiễn việc hình sự hóa các vụ việc dân sự, kinh tế trong những năm gần đây, cần nghiên cứu từ những vụ việc có tính điển hình, phân theo những dạng nhất định, đi sâu xem xét bản chất và nguyên nhân của sự việc từ đó mới có thể có những biện pháp hữu hiệu để khắc phục hiện tượng tiêu cực này.

2.1. Những vụ việc dân sự kinh tế bị hình sự hóa về các tội có yếu tố chiếm đoạt

2.1.1. Hình sự hóa trong hoạt động tín dụng

Trong tín dụng, sự rủi ro là đương nhiên và để hạn chế những rủi ro đó, bên cho vay thường có các biện pháp nhằm bảo đảm cho khoản tiền vay của mình được hoàn trả theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng thông qua các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự như cầm cố tài sản, thế chấp tài sản, bảo lãnh, bảo hiểm, đặt cọc, ký cược, ký quỹ, tín chấp...

Tranh chấp trong hoạt động tín dụng chủ yếu do bên đi vay không thực hiện hoặc thực hiện không kịp thời và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận thì cần xem xét phân loại đó thuộc loại hình tín dụng nào? Có biện pháp bảo đảm khoản nợ hay không? bản chất của việc không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ là gì? cần giải quyết tranh chấp đó theo hình thức tố tụng nào? Tố tụng dân sự hay tố tụng kinh tế.

Tuy nhiên, trên thực tế thay vào việc giải quyết các tranh chấp này theo các con đường thỏa thuận, hòa giải hoặc thuộc thẩm quyền giải quyết của các tòa dân sự, tòa kinh tế, trọng tài thương mại thì cũng còn không ít các vụ việc đã được giải quyết theo những cách thức trái luật như bắt cóc con nợ để ép buộc gia đình, người thân trả nợ; đe dọa để đòi nợ; khủng bố tinh thần con nợ để thu nợ, sử dụng một số công ty đòi nợ thuê, xã hội đen thực hiện hoặc nhờ công an để đòi nợ thuê và biến vụ việc bản chất là các tranh chấp dân sự, kinh tế thành các vụ việc hình sự. Thực tế các biện pháp “mạnh” này không phủ nhận là có lúc đáp ứng ngay được yêu cầu của chủ nợ nên nó luôn là nhu cầu và tồn tại nếu không có sự thay đổi có tính căn bản từ thể chế cho đến việc thực thi pháp luật nhằm bảo vệ tốt nhất lợi ích của các chủ nợ và cũng là sự ngăn ngừa có hiệu quả con nợ trong việc lợi dụng hoặc lạm dụng lòng tin để chiếm đoạt tài sản của chủ nợ. Tuy chưa có thống kê chính thức nào từ các cơ quan nghiên cứu, các cơ quan chức năng về hiện tượng trên nhưng thực tế nó đã xảy ra và đang tồn tại, được một trong các bên tham gia tranh chấp lựa chọn để giải quyết tranh chấp không đúng quy định của pháp luật.

- Hình sự hóa trong tín dụng ngân hàng

Thực tiễn cho thấy trong hoạt động tín dụng ngân hàng, không phải lúc nào các khoản nợ cũng được trả đúng hạn. Người mắc nợ do nhiều nguyên nhân khác nhau như do làm ăn gặp khó khăn, rủi ro; kinh doanh bị thua lỗ do đầu tư sai hoặc quản lý kém bị khách hàng chiếm dụng vốn ... dẫn đến mất khả năng thanh toán, không hoặc chưa trả được nợ nhưng không có nghĩa là họ vay nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của ngân hàng. Thậm chí, có những trường hợp doanh nghiệp đi vay có tài sản đảm bảo cho khoản vay, việc tài sản bảo đảm bị đem bán dẫn đến việc ngân hàng không thu hồi được khoản vay một phần có lỗi của chính bên ngân hàng. Không có căn cứ chứng minh có sự tẩu tán tài sản của bên đi vay. Mặt khác, trách nhiệm trả nợ vay là thuộc về doanh nghiệp nhưng người ký hợp đồng tín dụng là đại diện theo ủy quyền của giám đốc doanh nghiệp lại bị quy kết trách nhiệm hình sự về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” trong khi doanh nghiệp luôn xác định việc trả nợ tiền vay thuộc về doanh nghiệp. Bản chất của vụ việc là tranh chấp kinh tế nhưng đã bị hình sự hóa. Ví dụ như vụ Nguyễn Mạnh Hợp bị phạt 10 năm tù về tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

- Hình sự hóa trong tín dụng thương mại

Tín dụng thương mại là hình thức tín dụng ra đời rất sớm và do những ưu thế riêng có, nó vẫn càng ngày càng được ưa chuộng. Lúc đầu TDTM chỉ đơn giản là mối quan hệ mua bán chịu giữa những người sản xuất kinh doanh với nhau trên cơ sở tin tưởng lẫn nhau, dần dà nó trở nên đa dạng hơn. Riêng ở Việt Nam, TDTM tồn tại ở khắp nơi song do một số lý do, đến nay nó vẫn gặp những trở ngại không đáng có, gây thiệt hại cho người kinh doanh. Một trong trở ngại đó chính là việc không xem xét đúng bản chất của mỗi tranh chấp giữa hai bên phát sinh từ tín dụng thương mại (mua bán trả chậm) và vội vàng xem xét và hình sự hóa vụ việc mà bản chất thuộc tranh chấp về thương mại giữa hai bên. Vụ Mai Thanh Trúc bị khởi tố về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là một ví dụ điển hình của hiện tượng này.

2.1.2. Hình sự hóa việc vay, mượn trong dân cư

Trong dân cư, việc cho vay hoặc mượn tiền thường dựa trên cơ sở niềm tin lẫn nhau. Niềm tin đó có thể xuất phát từ những mối quan hệ quen thuộc, là bạn hàng của nhau hoặc trong cộng đồng khu dân cư nhất định khi cho vay mượn dưới hình thức hụi, họ, biêu, phường. Vấn đề hụi, họ, biêu phường là những tên gọi khác nhau theo ngôn ngữ địa phương của họ. Góp họ đã xuất hiện và được sử dụng phổ biến lâu đời ở nước ta. Tuy nhiên, tập quán này không được quy định trong các văn bản pháp luật; các quy định về hợp đồng vay vẫn được áp dụng để xử lý quan hệ họ theo nguyên tắc áp dụng luật tương tự. Lần đầu tiên, quy định về quan hệ này đã được ghi nhận tại Bộ luật dân sự năm 2005

Ngày nay có rất nhiều biến tướng của quan hệ họ như: cho vay nặng lãi, chủ họ mở nhiều dây họ khác nhau thu tiền sử dụng vào những mục đích bất hợp pháp khác như chơi bạc, buôn lậu... Thập kỷ 90 chúng ta đã chứng kiến việc vỡ hụi (bể hụi theo ngôn ngữ Nam bộ) với hàng loạt nhà giữ cái (nhà cái) không chịu trả tiền cho các thành viên góp họ hoặc mang tiền góp họ bỏ trốn gây thiệt hại nặng nề cho những người góp họ. Khi đó các cơ quan tố tụng gặp rất nhiều lúng túng, vướng mắc

trong việc xử lý vì lúc đó việc chơi họ chưa được pháp luật bảo hộ và chỉ xem xét theo nguyên tắc tương tự. Trong những năm gần đây một loạt các vụ vỡ hụi cũng đã xảy ra với quy mô rất lớn mà trong đó có nhiều chủ hụi sử dụng tiền thu được vào việc đầu cơ bất động sản, khi bất động sản đóng băng, ngân hàng xiết chặt cho vay nên chủ hụi mất khả năng thanh toán. Nhà nước chỉ khuyến khích và bảo hộ những “hình thức họ nhằm mục đích tương trợ trong nhân dân” (khoản 2 điều 479 BLDS 2005). “Nghiêm cấm việc tổ chức họ dưới hình thức cho vay nặng lãi” (khoản 3 điều 479 BLDS năm 2005) và những hành vi vi phạm khác. Khi xảy ra việc vỡ hụi, chủ hụi tuyên bố mất khả năng chi trả, chúng ta phải xem xét bản chất vụ việc đó có phải là quan hệ họ hay không? Hay bị biến tướng để lừa đảo hoặc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Có những vụ việc thoát nhìn nhận ban đầu thì có dấu hiệu của việc lạm dụng tín nhiệm chiếm, đoạt tài sản, dưới sự biến tướng của việc chơi họ, chủ họ gom tiền của những người tham gia chơi họ trả với lãi xuất cao để đầu tư làm ăn, việc làm ăn đổ bể phải tuyên bố vỡ họ. Tuy nhiên khi xem xét bản chất vụ việc, chủ họ không hề có ý thức chiếm đoạt tài sản của những người góp họ mà do làm ăn kinh doanh thua lỗ, vỡ họ theo dây chuyền, chủ họ đã phải bán hết tài sản gồm cả nhà ở để trả nợ, không trốn chạy và không tẩu tán tài sản chỉ mất khả năng chi trả nên không thể quy kết họ về tội chiếm đoạt mà chỉ xác định đó là tranh chấp dân sự. Người tham gia chơi họ vì ham lãi cao đương nhiên phải gánh chịu hậu quả

Trong dân cư việc vay mượn bằng tiền hoặc tài sản giữa các bên được điều chỉnh bởi hợp đồng vay tài sản theo quy định của pháp luật dân sự. Bản chất của hợp đồng vay tài sản được thể hiện chủ yếu ở nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Với tính chất là hợp đồng đơn vụ và thực tế, thì trong hầu hết các trường hợp, tương ứng với thời điểm xác lập hợp đồng, bên cho vay đã đồng thời chuyển giao tài sản vay cho bên vay làm sở hữu, còn bên vay chỉ phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến thời hạn của hợp đồng. Pháp luật về nghĩa vụ trả nợ của bên vay rất chặt chẽ.

Về việc sử dụng tiền vay, khác với hợp đồng tín dụng của ngân hàng, mục đích sử dụng vốn vay luôn được xác định trong hợp đồng tín dụng và cũng là cơ sở cho việc giải ngân và bảo đảm việc thu hồi nợ của ngân hàng thì việc vay mượn trong dân cư thông thường việc sử dụng tiền vay ra sao, với mục đích như thế nào được coi như việc riêng của bên vay, bên cho vay hầu như không quan tâm đến vấn đề này trừ trường hợp các bên có thỏa thuận.

Khi đến hạn trả nợ, bên đi vay vì lý do nào đó chưa trả được nợ bên cho vay có quyền khởi kiện dân sự để thu hồi vốn vay và yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu có. Nhưng thay vào việc khởi kiện đòi nợ thì bên cho vay lại làm đơn vụ khống bên đi vay đã có hành vi lừa đảo hoặc lạm dụng tín nhiệm để chiếm đoạt tài sản. Cơ quan tố tụng cũng không thận trọng xem xét kỹ vụ việc dẫn đến việc hình sự hóa. Vụ Lê Duy Nam ở Cà Mau bị khởi tố bắt tạm giam 7 tháng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là một ví dụ.

2.1.3. Hình sự hóa hoạt động dịch vụ môi giới thương mại trong lĩnh vực xuất khẩu lao động, tư vấn đầu tư.

Điều 150 Luật thương mại đưa ra khái niệm “Môi giới thương mại” là hoạt động thương mại, theo đó một thương nhân làm trung gian (gọi là bên môi giới) cho các bên mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ (gọi là bên được môi giới) trong việc đàm phán, giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ và được hưởng thù lao theo hợp đồng môi giới.

Hoạt động môi giới diễn ra trong nhiều lĩnh vực như môi giới tiền tệ, môi giới bảo hiểm, môi giới chứng khoán, môi giới bất động sản, môi giới lao động, môi giới đầu tư...

Cùng với sự phát triển kinh tế, hoạt động môi giới thương mại ngày càng phát triển và đây là loại hình dịch vụ có vai trò quan trọng thúc đẩy sự phát triển của các giao lưu dân sự, kinh tế. Pháp luật về môi giới thương mại của chúng ta mới còn ở những bước sơ khai, nhiều hoạt động môi giới cũng mới chỉ xuất hiện trong những năm gần đây như môi giới chứng khoán, môi giới tiền tệ, môi giới xuất khẩu lao động. Thực tế cho thấy cũng có không ít trường hợp lợi dụng hoạt động môi giới để hoạt động phi pháp, lừa đảo. Tuy nhiên, cũng có những trường hợp thương nhân hoạt động môi giới trên cơ sở quy định của pháp luật, có đăng ký kinh doanh, hành nghề môi giới nhưng vì những lý do khác nhau, bản thân họ là nạn nhân của những đường dây lừa đảo và khi vụ việc xảy ra, họ chính là nạn nhân nhưng lại bị quy kết về cùng tội này vì được cho là đồng phạm. Đây là vấn đề khá nổi cộm

mà ngay trong các cơ quan tiến hành tố tụng cũng có những quan điểm trái ngược nhau khi xem xét những vụ việc này.

Trong thời gian qua, tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực xuất khẩu lao động xảy ra tương đối nhiều. Trong các vụ việc đã phát hiện thường hình thành các đường dây lừa đảo người lao động với nhiều đầu mối trung gian thu gom lao động khác nhau. Tuy nhiên, khi xem xét các vụ việc này cũng có những đầu mối là đồng phạm với kẻ chủ mưu thực hiện hành vi lừa đảo nhưng cũng có những doanh nghiệp hoặc cá nhân tuy là đầu mối thu gom người lao động nhưng họ cũng là nạn nhân của kẻ lừa đảo. Để xem xét những người này có phạm tội lừa đảo hay không ngoài yếu tố gian dối phải chứng minh họ có **mục đích chiếm đoạt tài sản hoặc chấp nhận mục đích chiếm đoạt tài sản** (của người đồng phạm khác) của người lao động hay không? thì mới có thể truy tố, xét xử họ về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ví dụ vụ Vũ Công Khanh bị quy kết phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” khi làm môi giới xuất khẩu lao động.

2.1.4 Tranh chấp hợp đồng góp vốn liên doanh, liên kết, cổ phần

Trong quá trình phát triển, hội nhập mở cửa phát huy tối đa các nguồn lực trong và ngoài nước cho việc đầu tư phát triển kinh tế, các loại hình đầu tư ngày càng phát triển, số doanh nghiệp thành lập mới ngày càng gia tăng nhưng cùng với xu thế đó những tranh chấp trong việc hợp tác kinh doanh, trong việc phân chia lợi ích, giành quyền quản lý doanh nghiệp cũng nảy sinh nhiều hơn. Sự thiếu minh bạch trong quản trị doanh nghiệp cũng như những hoạt động đầu tư chui lại càng là mảnh đất “màu mỡ” cho những tranh chấp và hậu quả thường là các bên từ chỗ là những đối tác làm ăn, khi phát sinh mâu thuẫn về lợi ích, thay vì giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải, lựa chọn trọng tài hoặc tòa án lại sử dụng những biện pháp như tố cáo nhau đến cơ quan công an, sử dụng báo chí để bôi nhọ nhau, thuê công ty vệ sỹ để phong tỏa gây sức ép... biến vụ việc theo chiều hướng hình sự hóa. Ví dụ như vụ bà Trương Mỹ Lan tố cáo bà Linda Tan Woo chiếm đoạt 6 triệu USD

2.2. Những vi phạm pháp luật kinh tế bị hình sự hóa về các tội “xâm phạm trật tự quản lý kinh tế” và tội phạm về chức vụ

Quá trình đổi mới đất nước, với sự phát triển của nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã từng bước xóa bỏ nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp lỗi thời. Cùng với quá trình đó, các quan hệ kinh tế và quản lý kinh tế thay đổi. Để tạo hành lang pháp lý cho sự đổi mới và phát triển kinh tế, Hiến pháp năm 1992 được sửa đổi tại kỳ họp thứ 10 Quốc Hội khóa X cùng với đó là việc sửa đổi, bổ sung và ban hành mới một loạt các văn bản pháp luật có liên quan đến việc đổi mới quản lý kinh tế, từng bước tạo lập và phát triển các thị trường vốn, công nghệ, thị trường lao động, thị trường chứng khoán...thu hút mọi nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước cho sự phát triển đất nước. Thay đổi cơ bản chính sách, giảm dần sự can thiệp của nhà nước đối với hoạt động kinh doanh, cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà nước, thúc đẩy kinh tế dân doanh, nhất thể hóa các luật về doanh nghiệp và luật về đầu tư. Trước sự đổi mới và phát triển nền kinh tế thị trường, các quy định của Bộ luật hình sự (BLHS) năm 1985 về các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tội phạm về chức vụ cũng có nhiều điểm không phù hợp. BLHS năm 1999 và lần sửa đổi gần đây nhất ngày 19/6/2009 đã có nhiều thay đổi quan trọng về chính sách hình sự. Nhiều quy định mới phù hợp hơn với quy luật kinh tế thị trường đã được nhà lập pháp đưa vào BLHS. BLHS năm 1999 đã phi hình sự hóa, phi tội phạm hóa một số hành vi phạm tội kinh tế mà căn nguyên của chúng gắn liền với cơ chế tập trung bao cấp hoặc đã từ lâu không còn xuất hiện trong đời sống thực tiễn như tội sản xuất hoặc buôn bán rượu thuốc lá trái phép, tội cản trở việc thực hiện quy định của nhà nước về cải tạo XHCN; tội lạm sát gia súc... Bên cạnh đó, trong BLHS năm 1999 các nhà lập pháp cũng thực hiện tội phạm hóa thêm nhiều hành vi nguy hiểm cho xã hội đã và đang phát sinh trong điều kiện cơ chế thị trường như tội “Quảng cáo gian dối” (điều 168); tội “Sử dụng trái phép quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của tổ chức tín dụng”; tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của tổ chức tín dụng”...

Tuy nhiên do tính chất và đặc điểm của các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và tội phạm về chức vụ luôn bị chi phối bởi những chính sách kinh tế của Đảng và nhà nước trong từng giai đoạn; có hành vi, trước đây là tội phạm nhưng sau này không còn là tội phạm nữa, thậm chí còn được coi là công trạng. Việc xác định một hành vi xâm phạm trật tự quản lý kinh tế không phải là quá khó nhưng việc xác định hành vi đó đã cấu thành tội phạm hay chưa là vấn đề khó. Đúng như quan điểm của thạc sỹ Đinh Văn Quế “Thực tiễn xét xử cho thấy việc xác định hành vi xâm phạm trật tự quản lý kinh tế

khó hơn việc xác định các hành vi phạm tội khác”. [16] Mặt khác trong BLHS năm 1999 cũng còn một số tội danh vẫn mang đậm dấu ấn của thời kinh tế bao cấp như tội “ lập quỹ trái phép” (điều 166) tội “ báo cáo sai trong quản lý kinh tế”(điều 167).

Thực tiễn khảo sát cũng cho thấy hành vi vi phạm pháp luật trong quản lý kinh tế lẽ ra chỉ bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt hành chính, chịu những chế tài vật chất nhưng lại bị hình sự hóa về các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế hoặc chức vụ chiếm khoảng 30% số các vụ việc bị hình sự hóa trong lĩnh vực dân sự, kinh tế và cũng tập trung chủ yếu ở các tội “ thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”; tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”; tội “ Lập quỹ trái phép”. Trong luận văn đã nêu một số ví dụ điển hình như vụ Nguyễn Đình Dị, vụ Bùi Xuân Trường.

2.3. Lạm dụng khía cạnh dân sự trong vụ án hình sự để giải quyết việc dân sự, kinh tế

Giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được quy định trong tố tụng hình sự Việt Nam. Điều 28 Bộ luật tố tụng hình sự quy định “ Việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được tiến hành cùng với việc giải quyết vụ án hình sự. Trong trường hợp vụ án hình sự phải giải quyết vấn đề bồi thường, bồi hoàn mà chưa có điều kiện chứng minh và không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự thì có thể tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự” [18]

Giải quyết vấn đề dân sự được đặt ra đồng thời khi giải quyết vụ án hình sự là nguyên tắc chung của Luật tố tụng hình sự Việt Nam. Việc giải quyết các vấn đề dân sự thường gắn liền với việc chứng minh tội phạm của cơ quan tiến hành tố tụng. Vấn đề dân sự ở đây là quan hệ phát sinh từ hành vi phạm tội và chủ yếu là vấn đề bồi thường thiệt hại, bồi hoàn...và về nguyên tắc khi giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự vẫn thừa nhận những nguyên tắc khác của tố tụng dân sự đó là nguyên tắc tự thỏa thuận giữa các bên. Trong trường hợp chưa có điều kiện chứng minh và không ảnh hưởng tới việc giải quyết vụ án hình sự thì có thể tách ra để giải quyết theo thủ tục TTDS. Giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự có những ưu điểm nhất định như giúp cho việc bồi thường thiệt hại, bồi hoàn được nhanh chóng, đỡ tốn kém rườm rà về mặt thủ tục và trên góc độ nhất định nó nhằm bảo vệ người bị hại và nguyên đơn dân sự cũng như những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Đây là những nhân tố hợp lý của pháp luật TTHS Việt Nam mà TTHS một số nước không quy định. Bộ luật TTHS Nhật Bản không đặt ra việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự mà tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác. Điều này cùng với việc người bị hại không có quyền kháng cáo làm cho TTHS Nhật Bản dường như có sự thờ ơ đối với người bị hại. [19]

Tuy nhiên thực tiễn cũng cho thấy có không ít vụ việc khi giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự đã có sự lạm dụng pháp luật hình sự để giải quyết những vấn đề thuần túy thuộc về quan hệ dân sự, kinh tế. Khi vụ việc không được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự và gắn vào đó là một vụ án hình sự sẽ dẫn đến những hệ lụy không nhỏ cho các bên liên quan (vụ Mai Văn Huy, vụ Kim Thanh Hùng)

2.4. Hậu quả của việc hình sự hóa các vụ việc dân sự, kinh tế

Hình sự hoá các vụ việc dân sự, kinh tế trước tiên và dễ thấy là sẽ xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người có hành vi bị “hình sự hoá”. Thực tế cho thấy, hầu hết các vụ án bị “hình sự hoá” đều gắn với việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế trong tố tụng hình sự như tạm giữ, tạm giam, kê biên, niêm phong tài sản...Việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam sẽ xâm hại đến quyền tự do, dân chủ của công dân. Bên cạnh đó, việc làm này sẽ gây tổn thương nặng nề đến tâm lý của người bị tạm giữ, tạm giam. Thêm vào đó, uy tín nói chung và uy tín chính trị nói riêng của người có hành vi bị “hình sự hoá” cũng như của gia đình họ sẽ bị tổn hại rất nghiêm trọng. Đó là chưa kể nếu người có hành vi bị “hình sự hoá” là người đại diện hay quản lý thì uy tín của doanh nghiệp của họ cũng sẽ bị giảm sút nghiêm trọng. Trong khi đó, doanh nghiệp của họ lại hoạt động trong tình trạng “rắn mất đầu”, rất có nhiều khả năng sẽ dẫn đến phá sản. Và, nếu có doanh nghiệp nào kiên cường vượt qua thì cũng phải mất rất nhiều thời gian cho việc phục hồi lại “tình trạng” hoạt động bình thường. Hơn thế nữa, tạm giữ, tạm giam người có hành vi bị “hình sự hoá” một mặt gây lãng phí thời gian của người này, mặt khác sẽ khiến cho người thân của họ cũng lãng phí thời gian và tiền bạc chạy theo tiến trình kêu oan cho người thân của mình. Trong việc làm này, thời gian của các cơ quan tiến hành tố tụng cũng bị tiêu hao một cách vô ích.

Bên cạnh đó, “hình sự hoá” còn có tác động xấu đến môi trường đầu tư, kinh doanh của Việt Nam vì không chỉ có những doanh nhân, doanh nghiệp Việt Nam bị “hình sự hoá” mà cả các doanh nhân, doanh nghiệp nước ngoài cũng gặp phải tình trạng này. Những vụ án bị “hình sự hoá” sẽ là tấm gương xấu làm nản lòng những người có ý định đầu tư vào Việt Nam, nhất là các dự án lớn, dài hạn, rủi ro cao nhưng có tính chất quan trọng, quyết định đến sự phát triển của đất nước như trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính. Đối với các doanh nhân, doanh nghiệp đang hoạt động thì không dám mạo hiểm, chấp nhận rủi ro để tìm tới những bước đột phá, tạo động lực cho nền kinh tế mà chỉ hoạt động cầm chừng, chấp nhận hiệu quả thấp nhưng an toàn hơn. Trong trường hợp họ có gặp rủi ro do khách quan cũng không dám “báo cáo” lỗi vì sợ mình trở thành đối tượng bị “hình sự hoá”.

Một hậu quả nữa là tình trạng “hình sự hoá” sẽ làm giảm lòng tin của nhân dân vào nền công lý nước nhà. Về bản chất, “hình sự hoá” là việc làm oan, sai người vô tội. Tình trạng này khiến cho các cơ quan bảo vệ pháp luật, chỗ dựa của công dân, các doanh nghiệp hoạt động hợp pháp thì nay lại trở thành người xâm hại đến lợi ích hợp pháp của họ. Điều này đã làm giảm sút rất nhiều niềm tin của nhân dân vào nền tư pháp và chính điều này cũng làm giảm quyền lực của tư pháp vì bản chất quyền lực tư pháp từ niềm tin của nhân dân mà có.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Cùng với sự phát triển của kinh tế thì những tranh chấp giữa các chủ thể trong giao lưu dân sự, kinh tế ngày càng đa dạng và nguy cơ vụ việc bị hình sự hóa cũng có chiều hướng gia tăng nếu chúng ta không có những biện pháp hữu hiệu khắc phục. Việc các tranh chấp dân sự, kinh tế bị hình sự hóa có thể biểu hiện dưới nhiều hình thái khác nhau và với những mức độ khác nhau. Song có thể thấy hình sự hóa việc dân sự, kinh tế thường tập trung ở các tội có yếu tố chiếm đoạt tài sản (chủ yếu là tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản tội và lừa đảo chiếm đoạt tài sản); các tội phạm về kinh tế và chức vụ và việc lạm dụng vấn đề dân sự trong vụ án hình sự để giải quyết những quan hệ dân sự, kinh tế. Qua những dạng và những vụ việc cụ thể bị hình sự hóa cho chúng ta thấy việc hình sự hóa xuất phát từ nhiều lý do khác nhau, song có những nguyên nhân căn bản thuộc về thể chế, thuộc về yếu tố con người mà chủ yếu từ phía những người tiến hành tố tụng. Hình sự hóa việc dân sự, kinh tế là một hiện tượng pháp lý tiêu cực đã và đang diễn ra trong đời sống xã hội nước ta và để lại những hậu quả xấu cho đời sống kinh tế, cho môi trường đầu tư, cho cộng đồng doanh nghiệp và trên hết là niềm tin của người dân, của doanh nghiệp đối với nền tư pháp bị giảm sút và tạo ra những hệ lụy khó lường.

CHƯƠNG 3

NGUYÊN NHÂN VÀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC TÌNH TRẠNG LẠM DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ, KINH TẾ

3.1. Nguyên nhân của tình trạng hình sự hóa việc dân sự, kinh tế

3.1.1. Pháp luật hình sự và hệ thống pháp luật còn thiếu chặt chẽ

3.1.1.1. Về pháp luật hình sự:

- Khái niệm tội phạm

Khái niệm tội phạm được quy định tại điều 8 BLHS, thực ra bao gồm cả khái niệm tội phạm và phân loại tội phạm (có gì đó chưa ổn về kỹ thuật lập pháp khi đưa cả phân loại tội phạm vào chung khái niệm tội phạm) đoạn 4 điều 8 BLHS quy định “ Những hành vi tuy có dấu hiệu của tội phạm nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể thì không phải là tội phạm và được xử lý bằng biện pháp khác”. Nhưng thế nào là “ Nguy hiểm đáng kể” và “ không đáng kể” ? mức độ nguy hiểm đó trên thực tế sẽ là ý kiến đánh giá chủ quan của cán bộ điều tra, công tố viên, thẩm phán. Trong khi chúng ta chưa thừa nhận án lệ rất khó cho tiêu chí đánh giá, chưa kể điều đó phụ thuộc vào tâm huyết của mỗi điều tra viên, công tố viên, thẩm phán. Rõ ràng với định tính như vậy như đã đề cập một phần vấn đề này ở chương 1 thì ranh giới giữa tội phạm hay không phải tội phạm còn khá mơ hồ.

- Trong cấu thành tội phạm đối với một số tội danh trên thực tế thường dễ dẫn đến việc “ hình sự hóa” cũng còn nhiều yếu tố chưa được giải thích một cách thống nhất, cách hiểu và vận dụng trong thực tiễn cũng có quan điểm khác nhau dẫn đến tranh chấp giữa có tội hay không có tội khi xem xét vụ việc cụ thể, đặc biệt là yếu tố chiếm đoạt tài sản trong các tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.”

Vấn đề đặt ra là thế nào là hành vi chiếm đoạt, nội dung các yếu tố cấu thành của hành vi chiếm đoạt? Hiện nay các cơ quan pháp luật cũng chưa có thông tư giải thích chính thức. Thực tế các vụ việc như đã nêu ở phần thực trạng cho thấy có trường hợp một bên trong hợp đồng mới chỉ thông qua hợp đồng chiếm dụng vốn của bạn hàng đã bị quy cho là chiếm đoạt, hoặc thông qua hợp đồng nhận tiền làm dịch vụ nhưng không thực hiện được dịch vụ đó do họ cũng là nạn nhân của vụ lừa đảo khác cũng cho là họ chiếm đoạt...hoặc có quan điểm cho rằng việc nhận tiền, tài sản của người khác thông qua hợp đồng sử dụng tiền tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp cũng cho rằng đã hội tụ đủ yếu tố chiếm đoạt. Nhưng hiểu thế nào là mục đích bất hợp pháp? Việc vay vốn ngân hàng sử dụng không đúng mục đích trong hợp đồng tín dụng là đưa vào sản xuất kinh doanh mà sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân có phải là bất hợp pháp không? thủ quỹ mượn tạm tiền quỹ chi dùng cho gia đình do gặp phải khó khăn nhất định (như cứu chữa người thân bị bệnh) liệu có quy kết ngay họ chiếm đoạt tài sản để buộc họ vào tội “ tham ô tài sản “ được không? Hiện nay cũng đang còn nhiều ý kiến khác nhau. Do đó vấn đề đặt ra là cần phải có hướng dẫn cụ thể về “ yếu tố chiếm đoạt tài sản” trong các tội xâm phạm sở hữu cũng như trong cấu thành của một số tội phạm chức vụ khác như “ tội tham ô tài sản” tội “ lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản”

- Các yếu tố thiếu trách nhiệm? Cố ý làm trái? lập quỹ trái phép

Một số tội trong Bộ luật hình sự như tội " Lập quỹ trái phép", tội " Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng", tội " Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” như là sản phẩm của thời kỳ bao cấp vẫn còn tồn tại với những quy định như vậy thật dễ dàng khi cần khép một hành vi nào đó về lập quỹ trái phép, làm trái hay thiếu trách nhiệm đặc biệt trong cơ chế thị trường khi các chính sách dễ có thể không theo kịp với đời sống kinh tế và hành vi vượt rào nào đó cũng dễ dẫn đến vòng lao lý.

Thiếu trách nhiệm theo cách hiểu thông thường của các cơ quan tiến hành tố tụng hiện nay là không làm hoặc làm không hết trách nhiệm được giao (lỗi vô ý) gây nên hậu quả nhất định; nếu làm tròn trách nhiệm mà hậu quả vẫn xảy ra thì không phải thiếu trách nhiệm. Bị coi là Thiếu trách nhiệm khi có hành vi vi phạm những nguyên tắc, chính sách chế độ trong việc quản lý kinh tế, quản lý hành chính nhà nước... có thể nói các quy định là hết sức rộng lớn khá là mơ hồ trong khi các chính sách luôn thay đổi chưa nói là có sự chồng chéo lên nhau, không biết lấy quy định nào là “ chuẩn” để quy trách nhiệm. Do đó, khi không quy kết một hành vi cụ thể nào đó là vi phạm cái gì, vi phạm thuộc lĩnh vực nào người ta hay quy vào tội thiếu trách nhiệm.

Cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế là cố ý không làm, làm không đầy đủ hoặc làm khác với quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế. Cũng như ở tội thiếu trách nhiệm, các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế có rất nhiều và thường được thay đổi cho phù hợp với tình hình kinh tế xã hội. Khi xác định một hành vi cố ý làm trái thường phải dẫn chiếu vào một văn bản cụ thể nào đó của Nhà nước. Khi dẫn chiếu vào một quy định của địa phương nhưng văn bản đó không phù hợp với văn bản của trung ương hoặc văn bản có tính “ xé rào” do nhu cầu thực tiễn của xã hội thì xử lý như thế nào trong khi chính sách thường chậm hơn so với nhu cầu thực tiễn và thường trói buộc các doanh nghiệp; chưa kể cấp dưới làm theo chỉ đạo bằng miệng của cấp trên hoặc thậm chí họ không biết là việc làm của mình là làm trái (do có quá nhiều văn bản chồng lấn lên nhau). Sự định dạng một cách cũng hết sức rộng lớn và có phần mơ hồ như trên dễ dẫn đến việc hình sự hóa nên trong quá trình xây dựng luật cũng không ít ý kiến cho rằng nên loại bỏ hai loại tội này trong Bộ luật hình sự.

3.1.1.2.Về tố tụng hình sự:

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 sau thời gian áp dụng đã và đang bộc lộ những hạn chế bất cập cần được sửa đổi theo chiến lược cải cách tư pháp nhằm đảm bảo quá trình tố tụng được diễn ra dân chủ, công khai, minh bạch hơn, không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm. Từ thực tiễn

những vụ việc oan sai nói chung và hình sự hóa những vụ việc dân sự, kinh tế nói riêng trong thời gian qua cho thấy có một số vấn đề đang đặt ra cần xem xét đó là:

+ Về cơ chế điều tra vụ án. Theo truyền thống tố tụng, quá trình điều tra vụ án được khởi đầu từ thủ tục khởi tố vụ án khi xác định có dấu hiệu tội phạm. Khi có đủ căn cứ xác định một người đã thực hiện hành vi phạm tội thì cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can (điều 126 BLTTHS). Với quyết định khởi tố bị can, dường như một người nào đó tuy không phải là tội phạm nhưng trên thực tế đã bước vào vòng lao lý và phải chịu sự điều chỉnh rất khắt khe của tố tụng hình sự như bị đề nghị tạm đình chỉ chức vụ; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, áp giải... Điều đáng lưu ý là dù tố tụng hình sự quy định việc đình chỉ điều tra (điều 164 BLTTHS) nhưng để có được quyết định đình chỉ điều tra mặc dù họ không phạm tội thì người bị khởi tố thường đã phải gánh chịu những hậu quả pháp lý rất nặng nề thậm chí có trường hợp khuynh gia bại sản. Mặt khác, khi đã bị khởi tố bị can thì người đó thật khó có cơ may thoát tội bởi “cơ chế đầu vào (khởi tố)= đầu ra (truy tố)” hết sức cứng nhắc và theo lẽ thông thường khi có đầu vào thì phải có đầu ra. Dẫn đến sức ép buộc người tiến hành tố tụng phải tìm mọi bằng chứng kết tội nếu không sẽ bị cho là làm oan, sai. Kinh nghiệm tố tụng một số nước thực hiện cơ chế “điều tra mềm” không có thủ tục khởi tố bị can những vẫn tiến hành điều tra, thu thập chứng cứ, có sự gọn lốc (hệ thống) chứng cứ cần thiết chứ không bắt buộc phải xuất trình toàn bộ chứng cứ cho Tòa án; luật sư và công tố viên cùng trao đổi về những chứng cứ sẽ được đưa ra phiên tòa cần được nghiên cứu, vận dụng.

+ Về thẩm quyền của cơ quan điều tra: Cơ quan điều tra chủ yếu hiện nay là do lực lượng công an đảm nhiệm. Sự thiếu tách bạch giữa điều tra theo tố tụng với trình sát điều tra khi hai đầu mối này của ngành công an đang được nhập làm một dẫn đến những hệ lụy nhất định trong việc điều tra, thu thập chứng cứ. Chưa kể đến cơ quan công an hiện đang được giao quá nhiều quyền hạn khác trong việc quản lý hành chính, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và thậm chí cũng đang được giao quản lý các cơ sở hình sự (trại tạm giam, trại cải tạo, trường giáo dưỡng...) cùng với việc không tách lực lượng an ninh ra khỏi lực lượng công an nên gần như đó là bộ máy siêu quyền lực. Xét về góc độ nào đó khi đã siêu quyền dễ dẫn đến độc đoán và lạm quyền cùng với đó là sự mất dân chủ trong tố tụng hình sự, cội nguồn của sự oan sai.

+ Về việc áp dụng biện pháp ngăn chặn: Tuy có nhiều biện pháp ngăn chặn khác nhau nhưng thực tế cho thấy biện pháp tạm giam dường như được ưa dùng hơn cả, đã có sự lạm dụng tạm giam để tìm bằng chứng kết tội. Các biện pháp bảo lãnh, đặt tiền, tài sản bảo đảm thay thế biện pháp tạm giam tuy đã được đặt ra nhưng ít khi được áp dụng. Tạm giam là biện pháp ngăn chặn cần thiết đối với một số loại tội phạm nguy hiểm, như buôn bán ma túy, giết người, cướp của... nhưng đối với những tội phạm khác nhất là tội phạm về kinh tế lẽ ra cần phải có những biện pháp ngăn chặn phù hợp và dùng chính kinh tế để đánh vào mục đích của tội phạm nhưng hiện nay chúng ta vẫn đánh đồng các loại tội phạm mà chưa có cơ chế đặc thù. Thời hạn tạm giam hiện nay cao nhất có thể lên tới 690 ngày quả là hơi ngoại lệ trong TTHS nếu so với các nước (Nhật Bản tối đa chỉ 23 ngày)

- Một số nguyên tắc khác chưa được đưa vào Bộ luật tố tụng hình sự như nguyên tắc "suy đoán vô tội", nguyên tắc “tùy nghi truy tố”, nguyên tắc “có lợi cho bị can, bị cáo”

3.1.1.3. Pháp luật về dân sự và tố tụng dân sự (bao gồm cả kinh doanh, thương mại)

Pháp luật về dân sự, tố tụng dân sự tuy đã được pháp điển hóa thành các đạo luật nhưng cũng còn không ít vấn đề đang có nhu cầu sửa đổi. Về tố tụng dân sự, những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý, đình chỉ vụ kiện và trả lại đơn kiện đang giúp các thẩm phán tùy nghi thụ lý vụ kiện. Chẳng hạn tại điều 168 Bộ luật tố tụng dân sự quy định các trường hợp trả lại đơn kiện trong đó có quy định Tòa án trả lại đơn kiện khi “chưa có đủ điều kiện khởi kiện” (điểm đ khoản 1 điều 168). Nhưng để đủ điều kiện khởi kiện thì người dân và doanh nghiệp không biết dựa vào tiêu chí nào? Nên trên thực tế có không ít trường hợp họ phải đi lại rất nhiều lần để cung cấp những tài liệu theo yêu cầu của quý tòa và rút cuộc quý tòa có thể đưa ra những lý do mà bên nguyên đơn không thể đáp ứng được (ví dụ: một người nào đó có liên quan qua những mối quan hệ khác mà nguyên đơn không thể nào cung cấp địa chỉ cho quý tòa và dựa vào đó quý tòa cho rằng không đáp ứng đủ tiêu chí của điểm đ khoản 1 điều 168 để trả lại đơn kiện). Nên quả thật không khỏi hài hước nào khi người ta vẫn nói rằng để được thụ lý vụ kiện cũng phải “lót tay”. Việc hạn chế sự tham gia tố tụng dân sự của Viện kiểm sát được coi như bước tiến của cải cách tư pháp nhưng gần đây người ta

lại thấy mặt trái của vấn đề này khi mà các bên đương sự chưa thể tự bảo vệ được mình do không có tiền để mời luật sư, và nếu muốn tự bảo vệ cũng rất khó khi họ muốn tìm bằng chứng để chứng minh thì nền hành chính công của chúng ta dường như chưa sẵn sàng.

3.1.2. Ý thức pháp luật của các chủ thể trong giao dịch dân sự, kinh tế chưa cao, chưa phù hợp với nền kinh tế

- Ý thức pháp luật là một bộ phận của ý thức xã hội luôn phản ánh sự tồn tại xã hội. Nó bao gồm tổng thể hệ tư tưởng pháp luật và quan niệm pháp luật. Đó là thái độ đối với pháp luật và sự tôn trọng đối với pháp luật. Ý thức pháp luật có ảnh hưởng rất lớn đến hành vi của mỗi chủ thể tham gia giao dịch dân sự, kinh tế trong việc tuân thủ cam kết đã thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng dân sự kinh tế. Đối với nước ta, do xuất phát điểm rất thấp, từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, lại bị ảnh hưởng của hàng nghìn năm phong kiến trong một xã hội nho giáo ngự trị với những thói quen coi trọng lễ nghĩa, nhân quả và trong môi trường kinh doanh thương mại, người ta thường dựa vào cách buôn có bạn, bán có phường, dựa trên những quan hệ thân quen trong họ tộc, làng xã, phường hội kinh doanh. Người Việt có thể gửi hàng và trả tiền dưới hình thức không cần biên nhận. Khi tranh chấp xảy ra, cơ chế giải quyết tranh chấp có hiệu quả nhất thường cũng là dùng sức ép từ cộng đồng: từ hợp họ, hợp làng, tạo dư luận lên án cho tới các sức ép tâm lý và tẩy chay mang tính tập thể hoặc nhờ cậy tới công quyền. Do đó, có thể dễ hiểu khi hề không đòi được nợ thì từ người dân đến doanh nghiệp nghĩ ngay sự cầu viện đến cơ quan Công an để nhờ đòi nợ hộ hoặc tìm kiếm các mối quan hệ từ cơ quan công quyền, những người có quyền lực có ảnh hưởng tới đối tượng đòi nợ hoặc thông qua trọng tài thương mại. Khảo sát các vụ việc bị hình sự hóa cho thấy các bên thường gửi đơn tố cáo tới công an cho rằng con nợ đã lợi dụng để lừa đảo hoặc bội tín để chiếm đoạt tài sản của họ.

- Từ một góc độ khác, sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế ít nhiều cũng phá vỡ những quan niệm truyền thống “vạn chữ lý không bằng tứ chữ tình”. Trong một xu thế chung của hội nhập mở cửa, muốn làm ăn với bên ngoài trước hết phải hiểu luật lệ thương mại quốc tế cũng như luật lệ nơi bản địa. Những bài học nhân tiền về các vụ việc của Hàng không Việt nam, của bóng đá Việt Nam cũng như hàng loạt các vụ kiện bán phá giá đã ít nhiều làm cho các doanh nhân Việt Nam quan tâm hơn tới việc tuân thủ pháp luật và tự trang bị những kiến thức pháp lý để tự bảo vệ hoặc có luật sư tư vấn trong các hợp đồng. Tuy nhiên cũng có thể thấy rằng phần lớn doanh nghiệp còn chưa chú trọng tới vấn đề này, chưa phòng ngừa từ xa để tránh bị đưa vào vòng tố tụng, chi phí doanh nghiệp cho hoạt động tư vấn pháp luật dường như chưa được thừa nhận. Phải chăng chúng ta cần phải trả học phí nhiều hơn nữa mới có thể thay đổi quan niệm truyền thống là coi nhẹ pháp luật.

3.1.3. Năng lực, trách nhiệm của cán bộ tư pháp

Nghiên cứu các vụ việc bị hình sự hóa trong thời gian gần đây cho thấy có những nguyên nhân do pháp luật còn thiếu đồng bộ, mối quan hệ dân sự, kinh tế vốn hết sức phức tạp, sự phân định ranh giới giữa hình sự hay dân sự, kinh tế, hành chính còn nhiều vấn đề cần làm rõ về mặt lý luận cũng như thực tiễn nên cũng không ít trường hợp bị nhầm lẫn giữa quan hệ hình sự với quan hệ dân sự, kinh tế. Sau trải nghiệm, qua các cấp giải quyết, khi đó vụ việc mới sáng tỏ. Oan, sai trong tố tụng hình sự cũng là điểm chung không chỉ riêng có ở Việt Nam; vấn đề là ở chỗ mức độ oan sai như thế nào, nhiều hay ít thì vấn đề cốt yếu không phải hoàn toàn ở cơ chế, chính sách mà là phụ thuộc vào yếu tố con người, nhân tố quyết định sự thành hay bại của công việc. Trong những vụ việc bị hình sự hóa cũng có trường hợp người tiến hành tố tụng hoàn toàn bị nhầm lẫn, không nhận thức được bản chất sự việc nhưng cũng không ít trường hợp có yếu tố vụ lợi trong đó như hình sự hóa để đòi nợ thuê, hình sự hóa vì yêu cầu của một người có chức sắc nào đó chẳng hạn, hoặc đã bị tạm giam rồi nên cố chứng minh có tội phạm...

Cùng với đạo đức nghề nghiệp thì năng lực trách nhiệm đang được đặt ra như tiêu chí quan trọng. Phần lớn cán bộ tư pháp của chúng ta chưa được đào tạo có tính theo nghề và có hướng chuyên sâu. Điều tra viên hiện nay mặt bằng trình độ còn không ít mới ở mức trung cấp. Việc đào tạo chức danh thẩm phán và kiểm sát viên hiện nay đang là sự tranh chấp giữa Học viện tư pháp hay trường chuyên ngành của các ngành. Học viện tư pháp được thành lập mới chỉ có bộ khung là chính và chưa có hệ thống giáo trình đồng bộ, Giáo viên kiêm nhiệm và mời thiếu chất lượng từ các ngành là chính. Với tư cách là một nghề nhưng chúng ta lại chưa có chuẩn đào tạo theo nghề. Riêng về đào tạo kiểm

sát viên cũng có sai lầm đáng kể khi một thời gian dài trường Cao đẳng kiểm sát không tuyển sinh và đến bây giờ mới khôi phục lại việc đào tạo chức danh kiểm sát viên trong khi một thể hệ được đào tạo có chất lượng của trường này những năm 1980 đang nắm giữ nhưng vị trí chủ chốt trong ngành. Sự khập khiễng trong đào tạo hiển nhiên là có hệ quả tương ứng của chất lượng đội ngũ điều tra viên, thẩm phán, kiểm sát viên.

3.1.4. Sự kém hiệu quả trong hoạt động của các thiết chế trong việc giải quyết tranh chấp dân sự, kinh tế

- Sự bất cập của cơ chế giải quyết bằng trọng tài

Tại các nước có nền kinh tế phát triển, việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài là rất phổ biến và thậm chí là tất yếu. Lý do : thủ tục nhanh gọn và đơn giản hơn nhiều so với việc đưa ra giải quyết tại tòa án và có tính bảo mật cao.

Tuy nhiên tại Việt Nam thì khác hẳn. Dù qui định về trọng tài thực tế đã có từ năm 1994, nhưng tới nay hầu hết các trung tâm trọng tài tại Việt Nam đều trong cảnh "thất nghiệp" dài dài ! VIAC, tổ chức trọng tài có truyền thống lâu đời nhất ở nước ta trong năm 2007 cũng chỉ xử trên 30 vụ; Trung tâm Trọng tài TPHCM: 7 vụ; còn các trung tâm khác khoảng 1-2 vụ... Trong khi đó, Tòa Kinh tế TPHCM, cùng thời gian, riêng tòa này trên đã xét xử hơn 1.000 vụ tranh chấp kinh tế, thương mại [24]

Nguyên nhân các doanh nhân không hào hứng tìm đến các Trung tâm Trọng tài Thương mại Việt Nam có thể lý giải bởi lý do sau: Đội ngũ trọng tài viên của các trung tâm chưa thực sự là đội ngũ mạnh, chưa có năng lực giải quyết tranh chấp nên khó thuyết phục được, thậm chí nhiều trường hợp đương sự đã nộp đơn nhưng sau khi tiếp xúc ngay lập tức rút đơn. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp Việt Nam chưa quen với phương thức trọng tài nhưng các trung tâm lại không có hình thức giới thiệu, quảng bá về mình để cung cấp thông tin cho doanh nghiệp biết tới. Một vấn đề không kém phần bất cập khác là có hiện tượng tòa án tranh giành thẩm quyền xét xử với trọng tài.

- Sự bất cập của cơ chế tòa án

Chất lượng xét xử các vụ án dân sự, kinh doanh thương mại có thể nói đáng báo động. Tỷ lệ án hủy, sửa còn rất cao. Trong 3 năm 2006-2007 tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý và xét xử 36.149 vụ việc dân sự, kinh tế; y án sơ thẩm 22.168 vụ việc chiếm 61%; sửa án sơ thẩm 13.958 vụ việc, chiếm 38 %; hủy án sơ thẩm 3.625 vụ việc chiếm 10,02 %. Riêng về án kinh doanh, thương mại, theo số liệu của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, trong 5 năm (2005-2009), tòa án cấp phúc thẩm đã xét xử 1176 vụ án kinh doanh thương mại, lao động, trong đó y án 580 vụ; sửa án 386 vụ; hủy án 161 vụ. Tỷ lệ án có kháng cáo kháng nghị bị tòa án cấp phúc thẩm cải, sửa hủy chiếm tới 46,5 % [25] . Số đơn đề nghị giám đốc thẩm đang được dồn lên cấp Tòa và Viện tối cao. Chưa kể đến số án có hiệu lực đưa ra thi hành án cũng có nhiều sai sót, tuyên án không rõ dẫn đến việc cơ quan thi hành án khó thi hành. Theo báo cáo công tác thi hành án của Chính phủ trước Quốc Hội năm 2008 có tới 1.017 bản án tuyên không rõ, có sai sót và 1.455 bản án tuyên khó thi hành [26]

Nguyên nhân của tình trạng này có thể nói trước hết thuộc về các thẩm phán khi họ được đào tạo thiếu chuyên sâu về lĩnh vực dân sự, kinh doanh thương mại. Mặc dù có sự chuyên biệt các tòa về dân sự, kinh tế ở cấp tỉnh nhưng thông thường một thẩm phán tòa cấp tỉnh có thể xét xử cả hình sự, dân sự, kinh doanh; xét xử theo thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm thậm chí cả giám đốc thẩm. Đó là chưa kể ở cấp huyện thì không có sự phân biệt chuyên sâu nào. Sự thiếu chuyên biệt có vấn đề từ thiết chế tổ chức và mô hình tổ tụng. Cùng với vấn đề chuyên môn là vấn đề đạo đức nghề nghiệp của các thẩm phán hiện nay cũng đáng báo động. Một lãnh đạo của ngành tòa án đã từng phát biểu là thẩm phán hiện nay chưa đủ tâm và tầm để có thể đứng riêng một mình trong lĩnh vực dân sự mà vẫn cần có sự giám sát của Viện kiểm sát trong lĩnh vực này.

- Yếu kém trong thi hành án dân sự

Thi hành án dân sự là một đề tài luôn luôn được nhắc đến với nhiều tồn đọng trong thi hành án và hàng loạt sự bất cập. Báo cáo về công tác thi hành án năm 2008 của Chính phủ trước Quốc Hội đã khẳng định số lượng việc thi hành án dân sự tồn đọng chưa thi hành được vẫn còn rất lớn với tổng

số việc phải thi hành là 622.610 việc với tổng số tiền phải thu là 22.235 tỷ đồng; mới thi hành 289.128 việc, thu được 3.568 tỷ đồng; còn tồn đọng 333.482 việc với số tiền phải thu là 18.667 tỷ [27].

Những bất cập nêu trên của các thiết chế trong việc giải quyết tranh chấp dân sự, kinh tế dường như khuyến khích người ta lựa chọn con đường giải quyết tranh chấp phi trọng tài, phi tòa án mà bằng cách nhờ xã hội đen hoặc hiệu quả hơn là nhờ công an đòi nợ thuê.

3.2. Giải pháp khắc phục tình trạng hình sự hóa việc dân sự, kinh tế

Từ thực trạng và những nguyên nhân của việc hình sự hóa quan hệ dân sự, kinh tế nêu trên để khắc phục hiện tượng này cần có một số giải pháp sau

3.2.1. Về xây dựng pháp luật liên quan đến tội phạm về kinh tế, xâm phạm sở hữu

Tội phạm kinh tế dưới góc độ chính sách hình sự, là khái niệm chung để chỉ tất cả các tội phạm có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp tới các hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong việc vận hành nền sản xuất xã hội. Kinh tế thị trường với những biến đổi nhanh chóng và sự đòi hỏi tính năng động cao độ của cơ chế vận hành, tổ chức quản lý trong mọi lĩnh vực. Nhưng chính sự năng động này cũng tạo ra sự nguy cơ cao về vi phạm pháp luật. Trên phương diện xã hội học, dễ thấy rằng hiện tượng xé rào (vi phạm hành lang pháp lý) và tính năng động trong kinh doanh, quản lý kinh doanh là luôn đứng bên nhau. Chính điều đó dẫn đến nguy cơ về sai phạm trong áp dụng pháp luật để xử lý các vi phạm. Ranh giới giữa cái hình sự và hành chính, kinh tế, dân sự rất mong manh, dễ nhầm lẫn và đó chính là cứu cánh cho những ý đồ và hành vi cố tình “hình sự hóa” vụ lợi các quan hệ kinh tế, dân sự. Sự thiếu hoàn thiện trong pháp luật hình sự chính là mảnh đất tốt để gieo cấy những động cơ vụ lợi đó. Ví dụ khái niệm tội phạm trong bộ luật hình sự với định tính như đã phân tích nêu trên, những chế tài tùy nghi với dải phân cách rộng có thể thuận lợi cho người áp dụng pháp luật nhưng đồng thời cũng tạo nguy cơ cao của sự tùy tiện, theo xu hướng cố ý áp dụng sai trái để vụ lợi bằng việc “hình sự hóa” hoặc “phi hình sự hóa” biến báo các hành vi của đối tượng. Những quy định có tính trừu tượng cao, ít tính định lượng, như hành vi “cố ý làm trái”, “thiếu tinh thần trách nhiệm”... là những quy định dễ làm phát sinh ý đồ “hình sự hóa” vụ lợi quan hệ dân sự, kinh tế ở các giai đoạn khác nhau của quá trình tố tụng.

Để khắc phục vấn đề cần thiết phải có một hệ thống giải pháp toàn diện, tuy nhiên trên phương diện lập pháp hình sự cần sửa đổi bổ sung BLHS 1999 và Bộ luật TTHS 2003 sắp tới theo một số điểm sau:

3.2.1.1. Về Bộ luật hình sự 1999

- Về khái niệm tội phạm và phân loại tội phạm: Về mặt kỹ thuật lập pháp tội phạm và phân loại tội phạm là hai khái niệm khác nhau và đều là những khái niệm hết sức cơ bản của đạo luật hình sự do đó việc bố trí trong một điều luật như hiện nay là không hợp lý mà cần ở hai điều luật riêng biệt. Do đó cần có sự phân loại tội phạm theo hướng đơn giản hơn, nên chăng phân loại tội phạm làm ba loại tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm có mức hình phạt áp dụng cao nhất đến 1 năm, đến 10 năm tù là tội phạm nghiêm trọng và mức cao nhất của khung hình phạt trên 10 năm tù trở lên là đặc biệt nghiêm trọng. Đồng thời về kỹ thuật lập pháp cần quy định một điều khoản riêng. Việc phân loại tội phạm này phải làm cơ sở cho việc xây dựng chính sách hình sự như xây dựng khung hình phạt đối với từng tội phạm cụ thể, hạn chế thấp nhất việc áp dụng biện pháp tạm giam và áp dụng hình phạt tù giam đối với loại tội ít nghiêm trọng, hạn chế biện pháp tạm giam đối với tội phạm nghiêm trọng, giảm thời hạn tính thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự...

- Phi hình sự hóa một số loại tội phạm về chiếm đoạt tài sản và một số hành vi phạm tội khác có liên quan đến tài sản theo hướng nâng mức định lượng tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự cũng như nâng mức định lượng là yếu tố định khung hình phạt. Việc sửa đổi vừa qua tuy đã nâng mức định lượng tối thiểu nhưng chưa sửa về mức định lượng là yếu tố định khung hình phạt tăng nặng; việc nâng mức định lượng tối thiểu còn quá thấp mà lẽ ra cần nâng cao hơn; phải gắn liền với sự phát triển kinh tế, đời sống của người dân và giá trị của đồng tiền, đây là ba yếu tố để xác định định lượng trong tội phạm hình sự

- Về yếu tố chiếm đoạt tài sản

Yếu tố chiếm đoạt không là dấu hiệu đặc thù của riêng hai tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt và lừa đảo chiếm đoạt mà của cả một số tội phạm xâm phạm sở hữu. Nếu như trong các tội cướp giật, cưỡng đoạt không cần thiết đến thời điểm hoàn thành, tức đã chiếm đoạt xong, mà chỉ cần ý định chiếm đoạt và thực hiện những hành vi nhằm mục đích chiếm đoạt thì trong khi đó, tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt và lừa đảo chiếm đoạt tài sản cần thiết phải có *thời điểm hoàn thành*, tức là kẻ phạm tội phải chiếm đoạt được tài sản, tài sản đã được chuyển dịch bất hợp pháp. Chẳng hạn trong tín dụng ngân hàng người đi vay không trả nợ cho ngân hàng, thiệt hại cho ngân hàng là hiện hữu, có thực. Nếu chỉ dựa vào yếu tố lạm dụng tín nhiệm hoặc lừa đảo thì chưa thể hội đủ các điều kiện để áp dụng Điều 139 và Điều 140, bởi trong thực tế có rất nhiều trường hợp bằng cách thức lạm dụng tín nhiệm hoặc lừa đảo như khai khống giá trị tài sản thế chấp, cầm cố, cung cấp sai các giấy tờ chứng minh khả năng tài chính để được vay vốn ngân hàng nhưng không với ý định chiếm đoạt mà chỉ nhằm thỏa mãn nhu cầu về vốn, được sử dụng vốn của ngân hàng với ý định sẽ hoàn trả, việc không trả được nợ cho ngân hàng là do nguyên nhân khách quan thì cũng không thể cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt theo Điều 139, 140 BLHS và không thể áp dụng các biện pháp tố tụng hình sự để giải quyết các quan hệ này.

Trong các tài liệu pháp lý thông thường, *chiếm đoạt được hiểu là hành vi cố ý chuyển dịch một cách trái pháp luật tài sản, quyền tài sản đang thuộc sự quản lý của một chủ thể (nhà nước, tập thể hoặc cá nhân) thành tài sản của mình* [30]. Các đặc điểm pháp lý của hành vi chiếm đoạt bao gồm:

- Về mặt khách quan, hành vi làm cho chủ tài sản mất khả năng thực tế thực hiện quyền sử dụng, quyền định đoạt, quyền sở hữu đối với tài sản.

- Đối tượng chiếm đoạt là tài sản và quyền tài sản. Trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng, tài sản bị chiếm đoạt có thể là vốn dưới hình thức tiền tệ (tiền VN hoặc ngoại tệ), trong một số trường hợp có thể là quyền tài sản: các công cụ thanh toán (ngân phiếu thanh toán, séc hoặc các giấy tờ có giá bằng tiền). Các tài sản, quyền tài sản này phải có thực, thuộc sở hữu của người bị chiếm đoạt và chủ sở hữu không từ chối quyền sở hữu đối với tài sản.

- Về mặt chủ quan, lỗi của người thực hiện hành vi chiếm đoạt là lỗi cố ý trực tiếp và với mục đích tư lợi. Người đi vay nhận thức và mong muốn sự không trả nợ sẽ xảy ra, muốn biến tài sản của ngân hàng thành tài sản của mình, tước đoạt quyền sở hữu của ngân hàng đối với khoản vay. Theo TS Nguyễn Văn Hiến, những vấn đề quan trọng trong việc xác định hành vi chiếm đoạt tài sản là: [31]

- + Có việc cố ý không thực hiện việc hoàn trả tài sản
- + Chuyển dịch quyền sở hữu tài sản trái pháp luật
- + Chủ sở hữu có bị mất mát vĩnh viễn quyền hợp pháp của mình đối với tài sản
- + Một bên tham gia hợp đồng đã chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của người khác như của mình.

Tóm lại, chỉ có thể truy cứu trách nhiệm hình sự theo điều 139, 140 BLHS khi hội tụ đủ các yếu tố lạm dụng lòng tin hoặc lừa đảo để nhận tài sản và thông qua các hành vi cố ý nhằm chiếm đoạt tài sản.

3.2.1.2. Về tố tụng hình sự:

Bộ luật TTHS hình sự năm 2003 được hoàn thiện trên cơ sở Bộ luật TTHS đầu tiên của nước ta năm 1988 (hiệu lực 1989) tuy đã kế thừa những mặt tích cực của truyền thống tố tụng Việt Nam và có nhiều điểm tiến bộ nhưng thực tiễn cũng đang đặt ra những yêu cầu phải nghiên cứu hoàn thiện, theo hướng sửa đổi căn bản, toàn diện, kế thừa những quy định còn phù hợp, loại bỏ, sửa đổi những quy định không còn phù hợp bổ sung quy định mới để đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp hạn chế oan sai trong tố tụng hình sự, giảm thiểu việc hình sự hóa các giao dịch dân sự, kinh tế.

- Cùng với việc khẳng định mô hình tố tụng thẩm vấn chúng ta cần nghiên cứu tiếp thu có chọn lọc, bổ sung vào TTHS nước ta những yếu tố hợp lý của hệ thống tranh tụng, nhất là tranh tụng tại phiên tòa nhằm tăng cường tính dân chủ, công khai, minh bạch trong việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự

- Bổ sung một số nguyên tắc cơ bản trong TTHS

+ Nguyên tắc tranh tụng:

+ Nguyên tắc suy đoán vô tội.

+ Nguyên tắc có lợi cho bị can, bị cáo:

+ Nguyên tắc tùy nghi truy tố:

- Nâng cao vai trò và trách nhiệm cá nhân của những người tiến hành tố tụng, thực hiện chủ trương “Phân định rõ thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm, quyền hạn tư pháp trong hoạt động tố tụng tư pháp theo hướng tăng quyền và trách nhiệm cho điều tra viên, kiểm sát viên và thẩm phán để họ chủ động trong thực thi nhiệm vụ; nâng cao tính độc lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi và quyết định tố tụng của điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán” [34]

- Xác định rõ thẩm quyền của từng cơ quan tiến hành tố tụng, mối quan hệ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng và giữa các cấp tố tụng đặc biệt là quan hệ giữa cơ quan điều tra và Viện kiểm sát theo hướng tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra

- Hoàn thiện các thủ tục tố tụng và thời hạn tố tụng

Lược bớt các thủ tục tố tụng mang tính hành chính, rườm rà và tốn kém thời gian nhân lực cũng như vật lực, gây phiền hà cho người dân tiếp cận công lý trong các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử.

Quy định các thời hạn tố tụng theo hướng vừa đảm bảo việc giải quyết vụ án nhanh chóng, kịp thời vừa bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Việc quy định thời hạn tố tụng điều tra, truy tố, xét xử, tạm giam, tạm giữ phải kết hợp với sự phân loại tội phạm theo hướng sửa đổi Bộ luật Hình sự như đã nêu trên

- Hoàn thiện các chế định chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự:

Nghiên cứu làm rõ hơn khái niệm chứng cứ, mở rộng nguồn chứng cứ, bổ sung nguồn chứng cứ mới nhất là chứng cứ điện tử cho phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ. Bổ sung nguyên tắc về thu thập, đánh giá chứng cứ theo hướng tạo điều kiện cho bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác thực hiện quyền đưa ra chứng cứ, đưa ra yêu cầu nhằm bảo đảm tính công khai, minh bạch, dân chủ và toàn diện trong việc xác định sự thật khách quan của vụ án. Sửa đổi bổ sung những quy định về thu thập, bảo quản xử lý và chuyển giao vật chứng giữa các cơ quan tư pháp trong quá trình giải quyết vụ án.

- Quy định chặt chẽ về trình tự, thủ tục và cơ sở cho việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong TTHS. Trong đó, nghiên cứu bỏ việc khởi tố bị can, thực hiện cơ chế “điều tra mềm” - điều tra không dùng biện pháp ngăn chặn; giảm thiểu các trường hợp áp dụng biện pháp tạm giam trên cơ sở căn cứ vào sự phân loại tội phạm và chính sách hình sự đối với từng loại tội phạm, nhất là đối với tội phạm về kinh tế cần hạn chế tối đa việc áp dụng biện pháp này, sử dụng rộng rãi các biện pháp thay thế biện pháp tạm giam như bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm; cấm đi khỏi nơi cư trú... Thu hẹp người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp tạm giam theo hướng chỉ có thẩm phán mới có thẩm quyền này.

3.2.2. Nâng cao ý thức pháp luật của các chủ thể tham gia dịch dân sự, kinh tế

Nâng cao ý thức pháp luật của các chủ thể trong giao dịch dân sự, kinh tế là vấn đề có tính nền tảng nhằm đảm bảo sự tự giác chấp hành pháp luật, tuân thủ và thực thi những cam kết trong giao dịch dân sự, hạn chế việc phát sinh những tranh chấp và “hình sự hóa” những vụ việc dân sự, kinh tế. Cần phải nâng cao sự hiểu biết về luật lệ dân sự thương mại trong nước cũng như thương mại, dân sự có yếu tố nước ngoài từ người dân đến các doanh nghiệp. Cần tạo “văn hóa tuân thủ pháp luật” của mỗi người dân cũng như mỗi doanh nghiệp; hạn chế đi đến xóa bỏ tâm lý “tiểu nông” trong quan hệ làm ăn buôn bán, kinh doanh. Đề cao vai trò của pháp luật hợp đồng trong giao lưu dân sự, kinh tế. Khi thương thảo và ký kết hợp đồng, không chỉ chú trọng các điều khoản về giá cả, chất lượng hàng hóa, thời gian giao hàng, phương thức thanh toán mà phải chú trọng đến điều khoản về giải quyết tranh chấp mà lâu nay ít được các doanh nghiệp quan tâm. Đề tự bảo vệ mình, tránh những rủi ro có

thể xảy ra, mỗi doanh nhân cũng như người dân cần tạo thói quen có luật sư tư vấn trong việc soạn thảo và thực hiện các hợp đồng, chi phí dịch vụ pháp lý phải được coi là chi phí hợp pháp trong các khoản mục chi phí của doanh nghiệp. Thay đổi quan niệm truyền thống từ coi nhẹ pháp luật, cũng như chưa xem trọng vai trò của tư pháp sang xã hội dân sự mà ở đó pháp luật làm nền tảng, quan tòa được xã hội nể trọng, cơ quan công quyền cũng như cảnh sát không còn là nơi mà người ta có thể trông cậy để giải quyết tranh chấp mà là con đường khởi kiện ra tòa án, trọng tài hoặc bằng các biện pháp phi quyền lực khác như thông qua các tổ chức hiệp hội. Việc tự trang bị những kiến thức pháp luật hoặc có luật sư tư vấn cũng giúp cho các chủ thể có thể tự bảo vệ mình tránh được vòng lao lý khi bị hình sự hóa.

Để nâng cao ý thức pháp luật nói chung và ý thức pháp luật của các chủ thể trong giao dịch dân sự, kinh tế nói riêng cần tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền phổ biến pháp luật cũng như xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật. Có thể nói pháp luật của chúng ta chưa đầy đủ nhưng không hẳn là quá thiếu mà vấn đề là ở chỗ chúng ta chưa có ý thức tuân thủ pháp luật. Vấn đề cốt lõi để nâng cao ý thức pháp luật cần bắt đầu ngay từ khâu giáo dục, đào tạo. Chương trình giáo dục phổ thông hiện nay tuy có đề cập một số nội dung về giáo dục pháp luật, quyền và nghĩa vụ của công dân nhưng nội dung cũng còn rất đơn sơ và thiếu thực tiễn. Các em học sinh ở chương trình giáo dục phổ thông của chúng ta dường như chưa từng được một lần đến dự phiên tòa xét xử về hình sự cũng như dân sự, kinh doanh thương mại. Trong khi ở không ít nước các em học sinh tiểu học đã được bố trí những giờ dự phiên tòa rất hữu ích.

3.2.3. Nâng cao năng lực, phẩm chất và trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng

Cùng với việc hoàn thiện về thể chế, nâng cao ý thức pháp luật thì việc xây dựng đội ngũ những người tiến hành tố tụng là yếu tố quyết định tới việc khắc phục tình trạng oan sai nói chung và trong lĩnh vực án kinh tế nói riêng. Bác Hồ dạy “cán bộ là cái gốc của mọi công việc” [35].

Trước yêu cầu phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế đất nước, các quan hệ kinh tế, dân sự ngày càng phát triển đan xen, đội ngũ cán bộ tiến hành tố tụng hiện nay có thể nói còn mỏng về số lượng và chất lượng ở một số nơi cũng chưa đạt yêu cầu. Đối với công tác đào tạo, mặc dù điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán là một nghề nhưng chúng ta chưa có khung hoàn chỉnh về nội dung, chương trình đào tạo còn thiếu một bộ quy chuẩn cụ thể về nghề với những kiến thức chuyên môn và kỹ năng cơ bản, chưa kể kiến thức chuyên sâu trong từng lĩnh vực nhất là lĩnh vực kinh tế. Những kiến thức cơ bản ngoài kiến thức nền ở trình độ đại học luật họ cần phải nắm vững pháp luật về doanh nghiệp, về thuế, tài chính, tín dụng ngân hàng, bảo hiểm, đầu tư xây dựng... Nhất là trong tình hình hiện nay khi nền kinh tế nước ta đang chuyển đổi mạnh mẽ theo cơ chế thị trường, mở rộng hội nhập với kinh tế thế giới và là thành viên chính thức của tổ chức thương mại thế giới WTO, là thành viên của nhiều tổ chức khu vực và đa phương khác. Những tội phạm ngày nay không chỉ trong một quốc gia mà xu hướng đa quốc gia ngày càng tăng nhất là các tội phạm về khủng bố, ma túy, bạo lực, lừa đảo, buôn bán phụ nữ, trẻ em, rửa tiền và những tội phạm trong lĩnh vực đầu tư, thương mại quốc tế thì những kiến thức về luật pháp, tập quán quốc tế, khả năng ngoại ngữ là những vấn đề đang trở nên bức thiết trong khi thực sự chúng ta đang rất yếu về những khả năng này.

Cùng với quy chuẩn đào tạo chúng ta cũng phải có quy chuẩn về đạo đức nghề nghiệp. Công tố, thẩm phán là những nghề đặc biệt. Đòi hỏi cán bộ làm công tác này phải là những người có bản lĩnh nghề nghiệp, có phẩm hạnh về đạo đức, có lương tâm và trách nhiệm cao và trên hết đó phải là những người có tâm sáng. Khi họ có tâm trong sáng thì mọi công việc cũng sẽ vô tư, khách quan và sẽ hạn chế tới đa việc hình sự hóa do nhầm lẫn, do trình độ và không thể có việc lạm dụng hình sự hóa vì mục đích vụ lợi.

3.2.4. Nâng cao hiệu lực của thiết chế giải quyết tranh chấp dân sự, kinh tế

Trước hết, cần nâng cao vai trò của trọng tài và chất lượng giải quyết của trọng tài đối với các tranh chấp kinh tế. Hoạt động trọng tài được tiến hành trên cơ sở sự thỏa thuận, lựa chọn của các bên tranh chấp nên cần phát huy tính ưu việt của việc lựa chọn hình thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài như: thủ tục giải quyết tranh chấp nhanh gọn, chi phí thấp, đặc biệt giữ được bí mật có liên quan tới hoạt động kinh doanh của cả hai bên để khuyến khích các doanh nhân lựa chọn. Bên cạnh đó nâng cao chất lượng xét xử các vụ án dân sự, kinh doanh thương mại (sau đây gọi chung là các vụ án dân

sự). Việc các vụ án dân sự chậm được thụ lý, bị hủy và cải sửa như hiện nay đang làm sứt mẻ niềm tin của các bên tranh chấp khi có việc cần nhờ đến quan tòa phân xử.

Cùng với việc nâng cao năng lực của các thể chế trong giải quyết tranh chấp dân sự, kinh doanh thương mại thì việc nâng cao năng lực và hiệu quả của công tác thi hành án dân sự là vấn đề hết sức cấp thiết đang đặt ra. Với số tiền thu được 3.568 tỷ trên tổng số tiền phải thi hành án là 22.235 tỷ chiếm 16% của năm 2008 cho thấy còn một số lượng tồn đọng rất lớn (18.667 tỷ) về thi hành án dân sự, chưa kể trong số tồn đọng này có tới 14.419 tỷ chiếm 77% số tồn đọng chưa có điều kiện thi hành[36]. Cần đẩy mạnh việc xã hội hóa công tác thi hành án dân sự thông qua chế định về thừa phát lại. Việc thi hành án có hiệu quả cùng với những thiết chế giải quyết tranh chấp có năng lực, khách quan, nhanh chóng là những vấn đề hết sức quan trọng làm giảm thiểu việc các bên tranh chấp phải “nhờ” công an đòi nợ hộ dẫn đến vụ việc bị “hình sự hóa”.

3.2.5. Hoàn thiện các chế định về hỗ trợ tư pháp cũng như xây dựng đội ngũ những người hỗ trợ cho hoạt động tư pháp.

Trong những năm gần đây các chế định về hỗ trợ tư pháp đã được xây dựng như chúng ta đã nâng cấp Pháp lệnh Luật sư năm 2001 lên Luật Luật sư năm 2006, xây dựng Pháp lệnh Giám định tư pháp năm 2004, Luật công chứng năm 2006... là những chế định quan trọng trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.

Trong tiến trình cải cách tư pháp chúng ta cần sớm nâng cấp Pháp lệnh Giám định lên thành Luật Giám định và xúc tiến thành lập cơ quan giám định quốc gia thống nhất chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ của các tổ chức giám định. Đồng thời cần phải tập trung đầu tư cho một số lĩnh vực giám định như giám định pháp y, giám định tài chính, giám định công nghệ, kỹ thuật số... để đáp ứng yêu cầu thường xuyên của hoạt động tố tụng. Thực hiện xã hội hóa đối với những lĩnh vực có nhu cầu giám định không lớn, không thường xuyên. Quy định chặt chẽ, rõ ràng về trình tự thủ tục, thời hạn trung cầu và thực hiện giám định. Ban hành quy chuẩn giám định phù hợp với từng lĩnh vực. Xác định rõ cơ chế đánh giá kết luận giám định bảo đảm đúng đắn khách quan để làm căn cứ giải quyết vụ việc.

Đội ngũ luật sư là thành phần quan trọng cho việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng, bảo đảm tính công khai dân chủ trong hoạt động tố tụng. Đội ngũ này đang ngày càng gia tăng và có những đóng góp nhất định vào việc nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa. Tuy nhiên đội ngũ này hiện nay vừa thiếu, lại vừa yếu. Bên cạnh những luật sư có thâm niên và có nhiều kinh nghiệm trong nghề nghiệp thì cũng không ít luật sư mới chỉ được đào tạo dưới dạng tại chức luật và qua lớp luật sư nên kiến thức chuyên môn cũng như năng lực hành nghề còn rất yếu trong khi những tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp của hiệp hội luật sư cũng chưa thật sự được coi trọng. Có không ít trường hợp luật sư tìm cách trì hoãn việc xét xử vụ án như lấy các lý do chưa nghiên cứu hồ sơ, bận tham gia phiên tòa khác hoặc chưa nhận được giấy triệu tập để gây khó dễ. Khi tranh tụng có những thái độ căng thẳng gay gắt nhưng thiếu cơ chế kiểm soát. Đạo đức nghề nghiệp của không ít luật sư cũng cần phải được xem xét theo tiêu chuẩn nghề nghiệp và có cơ chế loại khỏi giới luật sư những người có vi phạm về đạo đức nghề nghiệp. Trong tiến trình cải cách tư pháp, phải tăng cường công tác đào tạo, xây dựng tiêu chuẩn về đạo đức, về năng lực trình độ chuyên môn của Luật sư một cách chặt chẽ. Đề cao trách nhiệm của các tổ chức luật sư đối với thành viên của mình cũng như phát huy chế độ tự quản của tổ chức luật sư và tạo cơ chế đảm bảo luật sư thực hiện tốt việc tham gia với tư cách là một bên tranh tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Mở rộng đối tượng được tham gia bào chữa để khắc phục số lượng luật sư còn thiếu như hiện nay và tạo cơ chế để những người phạm tội được trợ giúp pháp lý một cách đơn giản nhất, tiết kiệm nhất và được bảo vệ một cách tốt nhất.

Đối với lĩnh vực công chứng chúng ta đã cho phép thành lập phòng công chứng tư là bước phát triển mới tạo điều kiện cho người dân có điều kiện tiếp cận dịch vụ công chứng một cách dễ dàng. Tuy nhiên trong tố tụng cần xác định rõ phạm vi của công chứng và chứng thực, giá trị pháp lý của văn bản công chứng khi tài liệu thật bị mất hoặc thất lạc.

3.2.6. Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của cơ quan tư pháp

Cùng với việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy, cơ chế quản lý chỉ đạo điều hành và chiến lược về công tác cán bộ thì việc tăng cường cơ sở vật chất phương tiện kỹ thuật cũng như các điều kiện vật chất và điều kiện hỗ trợ là điều kiện cần thiết để nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ.

Về cơ sở vật chất phương tiện làm việc, trang thiết bị và đời sống của cán bộ tư pháp đã từng bước được nâng lên. Nhất là sau khi nền kinh tế đất nước phát triển có điều kiện chăm lo cơ sở vật chất cũng như đời sống cán bộ tư pháp. Các Nghị quyết 08, 48, 49 đã quan tâm vấn đề này “Nhà nước bảo đảm điều kiện vật chất cho hoạt động tư pháp phù hợp với đặc thù của từng cơ quan tư pháp và khả năng của đất nước. ... từng bước xây dựng trụ sở làm việc của các cơ quan tư pháp khang trang hiện đại, đầy đủ tiện nghi. ưu tiên trang bị phương tiện phục vụ công tác điều tra, đấu tranh phòng chống tội phạm, công tác xét xử, công tác giám định tư pháp. Khẩn trương trong một vài năm xây xong trụ sở làm việc các cơ quan tư pháp cấp huyện; nâng cấp các nhà tạm giam theo đề án đã được chính phủ phê duyệt, tăng cường áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các cơ quan tư pháp” [37]. Tuy nhiên có thể nói những chế độ về lương thu nhập và các trang thiết bị phương tiện làm việc hiện nay còn ở mức tối thiểu. Cơ sở vật chất của các cơ quan tư pháp nói chung nhất là của Viện kiểm sát và Tòa án còn ở mức thấp so với mặt bằng chung của xã hội. Hầu hết các thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên chưa được trang bị máy tính xách tay (trong khi phần lớn luật sư đều có thiết bị này), những phương tiện hỗ trợ khác như máy chiếu, máy ghi âm, máy scan, máy ảnh, máy quay video là những thiết bị hết sức cần thiết và cần được sử dụng trong việc giải quyết những vụ án lớn, án phức tạp nhưng phần lớn chưa được trang bị.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Hình sự hóa việc dân sự, kinh tế ở nước ta do những nguyên nhân khách quan, chủ quan khác nhau. Trước hết là sự thiếu hoàn chỉnh của pháp luật nhất là pháp luật hình sự bao gồm cả luật nội dung và luật hình thức; những quy định của Bộ luật hình sự về những tội phạm xâm phạm sở hữu; tội phạm kinh tế và chức vụ còn nhiều điểm cần hoàn thiện để tránh nguy cơ có thể bị lạm dụng hình sự hóa. Tiếp đó là pháp luật về dân sự, tố tụng dân sự và những pháp luật về kinh tế, thương mại có liên quan. Bên cạnh đó là ý thức pháp luật chưa cao của các chủ thể trong giao lưu dân sự, kinh tế nên khi xảy ra tranh chấp đã không lựa chọn cách xử sự hợp pháp mà lại lựa chọn cách hành xử trái pháp luật hoặc nhờ cơ quan công an đòi nợ thuê. Cùng với đó là sự non kém về trình độ hoặc sự sa sút về đạo đức của một số cán bộ trong cơ quan bảo vệ pháp luật đã lạm dụng pháp luật hình sự để giải quyết tranh chấp dân sự, kinh tế. Đồng thời sự kém hiệu quả trong hoạt động của các thiết chế trong giải quyết tranh chấp dân sự, kinh tế, của thi hành án dân sự cũng làm phát sinh tâm lý né tránh việc giải quyết việc dân sự, kinh tế theo tố tụng dân sự hoặc trọng tài thương mại bằng việc lựa chọn những con đường không hợp pháp. Để khắc phục hiện tượng pháp lý tiêu cực này cần tiến hành đồng bộ các giải pháp từ thể chế (xây dựng pháp luật và nâng cao năng lực của các cơ quan bảo vệ pháp luật) đến việc nâng cao ý thức pháp luật của các chủ thể tham gia giao dịch dân sự, kinh tế. Đặc biệt, việc nâng cao năng lực, phẩm chất và trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng là nhân tố quyết định để hạn chế vào loại trừ việc hình sự hóa việc dân sự, kinh tế

KẾT LUẬN

Hình sự hóa vụ việc dân sự, kinh tế là hiện tượng tiêu cực trong đời sống pháp lý ở nước ta hiện nay. Bản chất của hiện tượng này là việc lạm dụng pháp luật hình sự để giải quyết những quan hệ thuần túy chỉ là những quan hệ dân sự, kinh tế và đó cũng là biểu hiện của những vụ việc oan, sai trong tố tụng hình sự. Trong những năm gần đây, mặc dù chúng ta đã có nhiều cố gắng nhưng các vụ việc bị hình sự hóa dường như chưa có sự thuyên giảm đáng kể mà diễn biến theo chiều hướng phức tạp hơn nhất là trong xu thế mở cửa, hội nhập với sự gia tăng của các giao dịch dân sự, kinh tế. Hậu quả của những vụ việc dân sự, kinh tế bị hình sự hóa đã gây ra là không nhỏ, nó tác động trực tiếp trước hết là tới các chủ thể mà trong đó không ít là những thương gia, mang tính dây chuyền, tác động xấu tới môi trường đầu tư, kinh doanh của Việt Nam; nó không chỉ ảnh hưởng tới các doanh nhân, doanh nghiệp trong nước mà còn cả đối với nhà đầu tư nước ngoài. Nguyên nhân của hiện tượng tiêu cực này đã được một số nhà nghiên cứu, học giả đánh giá và nhìn nhận dưới những góc độ khác nhau nhưng qua nghiên cứu có thể đánh giá những nguyên nhân cơ bản thuộc về thể chế (chính sách pháp luật và các thiết chế vận hành); từ con người trong đó chủ yếu từ những người tiến hành tố tụng (điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán) và một phần từ chính các chủ thể tham gia giao dịch dân sự, kinh

tế. Để hạn chế và giảm dần hiện tượng tiêu cực này là cả quá trình với những giải pháp đồng bộ. Chúng ta có thuận lợi cơ bản là Đảng và Nhà nước đang nỗ lực trọng việc hạn chế tình trạng oan sai, chống hình sự hóa các giao dịch dân sự, kinh tế. Nghị quyết 49/NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã chỉ rõ “Sớm hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến lĩnh vực tư pháp phù hợp mục tiêu của chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tố tụng tư pháp, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội. Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm. Hạn chế áp dụng hình phạt tử hình theo hướng chỉ áp dụng đối với một số ít loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Giảm bớt khung hình phạt tối đa quá cao trong một số loại tội phạm. Khắc phục tình trạng hình sự hóa quan hệ kinh tế, quan hệ dân sự và bỏ lọt tội phạm”[38]. Cùng với chủ trương này, việc hoàn thiện chính sách pháp luật, hoàn thiện thể chế, đề cao vai trò của tư pháp nhất là của tòa án và hạn chế sự can dự của cơ quan công quyền mà chủ yếu là của lực lượng công an; nâng cao năng lực thực tiễn và đạo đức nghề nghiệp của những người có chức danh tiến hành tố tụng; ý thức pháp luật của những chủ thể tham gia giao dịch dân sự, kinh tế và tăng cường hoạt động hỗ trợ tư pháp, tin rằng chúng ta sẽ đẩy lùi và hạn chế thấp nhất những vụ việc bị hình sự hóa, xây dựng đời sống pháp lý lành mạnh, có kỷ cương trong xã hội dân chủ, đề cao quyền và lợi ích hợp pháp của mỗi người dân./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ chính trị (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội
2. Bộ chính trị(2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội
3. Bộ chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội
4. Lê Cẩm (2005), *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (phần chung)*, tr.76, NXB Đại học quốc gia, Hà Nội
5. Chính phủ (2008), *Báo cáo công tác thi hành án năm 2008*, Hà Nội.
6. Nguyễn Đình Cung, (2000), *Báo cáo tổng quát về hiện tượng hình sự hoá giao dịch dân sự kinh tế*, Tham luận tại Diễn Đàn doanh nghiệp “Chống hình sự hoá các giao dịch dân sự, kinh tế”, TP Hồ Chí Minh.
7. Lê Cẩm (2005), *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (phần chung)*, tr.79, NXB Đại học quốc gia, Hà Nội
8. Trần Minh Chất (2008), *Vấn đề áp dụng pháp luật hình sự để giải quyết các tranh chấp kinh tế ở nước ta*, tr. 34, Luận án tiến sĩ luật học, Khoa Luật, Trường Đại học quốc gia Hà Nội.
9. Lê Cẩm (2005), *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (phần chung)*, tr.81, NXB Đại học quốc gia, Hà Nội
10. Trần Văn Độ (1995), *Tội phạm học, Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự*,Tr.145, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
11. Nguyễn Ngọc Hoà (1997), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam tập 1*, tr. 205, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
12. Nguyễn Văn Hiện (2000), *Những biểu hiện của tình trạng hình sự hoá các giao dịch dân sự, kinh tế trong công tác xét xử và biện pháp khắc phục*, Tham luận tại Diễn đàn doanh nghiệp “Chống hình sự hoá các giao dịch dân sự, kinh tế”, TP Hồ Chí Minh.
13. Trần Hữu Huỳnh (2000), *Hình sự hoá các quan hệ dân sự kinh tế; nguyên nhân và giải pháp*, Tham luận tại Diễn đàn doanh nghiệp “Chống hình sự hoá các giao dịch dân sự, kinh tế”, TP Hồ Chí Minh.
14. Jica. F.Y (2009), *Tìm hiểu mô hình tố tụng hình sự Nhật Bản*, tài liệu dành cho đoàn cán bộ VKSND tới cao khảo sát mô hình tố tụng hình sự Nhật Bản.
15. Nguyễn Khang (2007), “Khổ vì bảo đảm tiền vay”, www.vntrades.com.

16. Phạm Văn Lợi (2007), chính sách hình sự trong thời kỳ đổi mới ở Việt nam, Tr. 50, NXB Tư pháp, Hà Nội
17. Hoàng Linh (2007), “Vỡ hụi ở Phố Hiến một loạt gia đình trắng tay”, *Lao dong.com.vn*.
18. Hồ Chí Minh (1947), *Hồ Chí Minh toàn tập*, tr. 269, NXB Chính trị quốc gia, 1995, Hà Nội.
19. Hồ Trọng Ngũ (2009) “Một số vấn đề về hình sự hóa, phi hình sự hóa các hành vi vi phạm trên lĩnh vực kinh tế trong chính sách hình sự hiện nay”, *www.hids.hochiminhcity.gov.vn*.
20. Phạm Duy Nghĩa (2004), *Chuyên khảo luật kinh tế*, tr. 643-644, NXB Đại học quốc gia, Hà Nội.
21. Quốc Hội (1999), *Bộ luật hình sự*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
22. Đinh Văn Quế (2006), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự tập VI*, tr.8, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
23. Đinh Văn Quế (1998), *Bình luận án*, tr. 53, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
24. Quốc Hội (1999), *Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Nguyễn Huy Tiến (2010), *Về mô hình tố tụng hình sự Nhật Bản*, Tài liệu khảo sát mô hình tố tụng hình sự các nước, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội.
26. Nguyễn Huy Tiến (2010), “Viện kiểm sát và kiểm sát viên Nhật Bản”, *Kiểm sát*, (9), tr. 42.
27. Tòa phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội (2005), *Hồ sơ hình sự phúc thẩm*, Hà Nội.
28. Tòa án nhân dân tối cao (2008), *Quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao năm 2006*, Hà Nội.
29. Tòa án nhân dân tối cao (2008), *Quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao năm 2005*, Hà Nội.
30. Tòa phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội (2010), *Hồ sơ hình sự phúc thẩm*, Hà Nội.
31. Nguyễn Văn Vân (2001), “Về hiện tượng hình sự hóa các quan hệ kinh tế, dân sự trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng”, *Khoa học pháp lý*, (2), Tr. 15.
32. Viện phúc thẩm 1- VKSND tối cao (2005), *Hồ sơ hình sự phúc thẩm*, Hà Nội.
33. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2007), *Hồ sơ giám đốc thẩm*, Hà Nội.
34. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau (2008), *Hồ sơ hình sự*, Cà Mau.
35. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2009), *Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Bộ luật tố tụng dân sự*, Hà Nội.
36. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2009), *Báo cáo chuyên đề về các vụ án tòa án tuyên không phạm tội 2005-2009*, Hà Nội.
37. Viện phúc thẩm 1- VKSND tối cao (2009), *Hồ sơ hình sự phúc thẩm*, Hà Nội.
38. Vụ 2- VKSND tối cao (2010), *Hồ sơ hình sự*, Hà Nội.

Công trình được hoàn thành tại:
KHOA LUẬT-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Phạm Duy Nghĩa

Phản biện 1:
Tiến sỹ Nguyễn Am Hiểu
Phản biện 2
Tiến Sỹ Doãn Hồng Nhung

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sỹ họp tại Khoa Luật- Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi:.....10.....giờ.....ngày...19.....tháng.....4....năm 2011

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

Trung tâm tư liệu Khoa luật- Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm Thông tin Thư viện- Đại học Quốc gia Hà Nội